

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 6

BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC

Thời gian làm bài: 90 phút

ĐỀ 1

Phần I: ĐỌC – HIỂU (3 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

*Mình về với Bác đường xuôi,
Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người
Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời,
Áo nâu, túi vải đẹp tươi lạ thường!
Nhớ Người những sáng tinh sương,
Ung dung yên ngựa trên đường suối reo.
Nhớ chân Người bước lên đèo,
Người đi rừng núi trông theo bóng Người...*

(Tố Hữu, Việt Bắc, theo <https://www.thivien.net/>)

Câu 1 (1 điểm): Khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu đáp án đúng cho mỗi câu hỏi sau:

1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào?

- A. Lục bát
- B. Lục bát biến thể
- C. Thơ tự do
- D. Thơ tám chữ

2. Các từ *Bác, Người, Ông Cụ* trong đoạn thơ dùng để chỉ ai?

- A. Tác giả
- B. Đồng bào Việt Bắc
- C. Chủ tịch Hồ Chí Minh
- D. Chỉ các đối tượng khác nhau

3. Từ nào sau đây là từ láy?

- A. Sáng ngời
- B. Rừng núi
- C. Đẹp tươi
- D. Ung dung

4. Đoạn thơ trên thể hiện tình cảm của ai đối với ai?

- A. Tình cảm của đồng bào Việt Bắc đối với Bác Hồ, với cách mạng
- B. Tình cảm của đồng bào Việt Bắc đối với tác giả
- C. Tình cảm của Bác Hồ đối với nhân dân
- D. Tình cảm của Bác Hồ đối với tác giả

Câu 2 (0,5 điểm): Chỉ ra các tiếng mang vần trong hai câu thơ:

Mình về với Bác đường xuôi,

Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người.

Câu 3 (0,5 điểm): Hình ảnh Bác Hồ hiện lên trong đoạn thơ có đặc điểm gì nổi bật?

Câu 4 (1 điểm): Tìm và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên.

Phần II: TẬP LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Viết đoạn văn nêu cảm nhận về một nhân vật đã học, trong đó có sử dụng 2 từ láy, 2 từ ghép

Câu 2 (5 điểm): Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

“*Nhưng còn cần cho trẻ
Tình yêu và lời ru
Thế nên mẹ sinh ra
Để bé bỏng, chăm sóc
Mẹ mang về tiếng hát
Từ cái bóng, cái bang
Từ cái hoa rất thơm
Từ cánh cò rất trắng
Từ vị gừng rất đắng
Từ vết lấm chưa khô
Từ đầu nguồn cơn mưa
Từ bãi sông cát vắng...*”

(Xuân Quỳnh, *Chuyện cổ tích về loài người*)

Đáp án đề 1**Phần I:****Câu 1 (1 điểm):**

1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào?

- A. Lục bát
- B. Lục bát biến thể
- C. Thơ tự do
- D. Thơ tám chữ

Phương pháp giải:

Đọc kỹ bài thơ, chú ý số chữ, số dòng của đoạn thơ

Lời giải chi tiết:

Đoạn thơ được viết theo thể thơ lục bát

=> Đáp án: A

2. Các từ *Bác, Người, Ông Cụ* trong đoạn thơ dùng để chỉ ai?

- A. Tác giả
- B. Đồng bào Việt Bắc
- C. Chủ tịch Hồ Chí Minh
- D. Chỉ các đối tượng khác nhau

Phương pháp giải:

Đọc kỹ đoạn thơ

Lời giải chi tiết:

Các từ *Bác, Người, Ông Cụ* trong đoạn thơ dùng để chỉ Chủ tịch Hồ Chí Minh

=> Đáp án: C

3. Từ nào sau đây là từ láy?

- A. Sáng ngời
- B. Rừng núi
- C. Đẹp tươi
- D. Ung dung

Phương pháp giải:

Vận dụng kiến thức về từ láy

Lời giải chi tiết:

Từ “ung dung” là từ láy

=> Đáp án: D

4. Đoạn thơ trên thể hiện tình cảm của ai đối với ai?

- A. Tình cảm của đồng bào Việt Bắc đối với Bác Hồ, với cách mạng
- B. Tình cảm của đồng bào Việt Bắc đối với tác giả
- C. Tình cảm của Bác Hồ đối với nhân dân
- D. Tình cảm của Bác Hồ đối với tác giả

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn thơ

Lời giải chi tiết:

Đoạn thơ trên thể hiện tình cảm của đồng bào Việt Bắc đối với Bác Hồ, với cách mạng

=> Đáp án: A

Câu 2 (0,5 điểm):

Chỉ ra các tiếng mang vần trong hai câu thơ:

Minh về với Bác đường xuôi,

Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người.

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn thơ, chỉ ra các tiếng có cùng vần

Lời giải chi tiết:

Các tiếng mang vần trong hai câu thơ đầu: *xuôi - nguôi*

Câu 3 (0,5 điểm):

Hình ảnh Bác Hồ hiện lên trong đoạn thơ có đặc điểm gì nổi bật?

Phương pháp giải:

Đọc kĩ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

Hình ảnh Bác Hồ trong đoạn thơ: Là một Ông Cụ quắc thước, tinh anh, giản dị, có phong thái ung dung, lạc quan

Câu 4 (1 điểm):

Tìm và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên.

Phương pháp giải:

Đọc kĩ và chỉ ra một biện pháp tu từ

Lời giải chi tiết:

Có nhiều biện pháp tu từ, có thể chỉ ra một trong các biện pháp sau:

- Điệp ngữ *Nhớ* để nhấn mạnh và khẳng định tình cảm yêu mến của đồng bào Việt Bắc đối với Bác Hồ
- Điệp ngữ *Người* để duy trì đối tượng biểu cảm trong đoạn thơ
- Hoán dụ *Việt Bắc không nguôi nhớ Người* để diễn tả tình cảm nhớ thương, quỳn luyến của đồng bào Việt Bắc dành cho Bác

- Hoán dụ *rừng núi trông theo bóng Người* để diễn tả sự yêu quý, lưu luyến, không nỡ xa Bác của đồng bào Việt Bắc

Phần II (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Viết đoạn văn nêu cảm nhận về một nhân vật đã học, trong đó có sử dụng 2 từ láy, 2 từ ghép

Phương pháp giải:

Xác định đề bài: cảm nghĩ về một nhân vật

Lựa chọn một nhân vật đã học mà em yêu thích

Chú ý yêu cầu phụ: 2 từ láy, 2 từ ghép

Lời giải chi tiết:

Bài tham khảo:

Nhân vật Dế Mèn là nhân vật mà nhà văn Tô Hoài tưởng tượng ra. Và thông qua nhân vật này, nhà văn đã gửi đến cho chúng ta những bài học bổ ích. Trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên*, Dế Mèn là một chàng dế thanh niên mới lớn, thông minh, cường tráng, khỏe mạnh, đẹp đẽ. Trong cái thế giới nhỏ bé ấy, chú Dế Mèn thực sự tự mãn với khả năng của mình. Và để vẽ lên chân dung một chú Dế oai phong, lắm liệt, nhà văn Tô Hoài không tiếc lời khi mô tả cái càng khỏe khoắn, bộ răng trên miệng, bộ vuốt ở chân... tất cả đều toát lên vẻ đẹp, sức hấp dẫn của một chú Dế Mèn mới lớn. Vì một lúc bốc đồng, xốc nổi, Dế Mèn đã gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt. Sau khi chôn cất Dế Choắt, Mèn đứng lặng rất lâu và nghĩ về bài học, nghĩ về những gì mà mình đã gây ra cho mọi người, Dế Mèn đã dần nhận ra những sai lầm của mình... Sau bài học đầu đời đến với mình ấy, Dế Mèn đã thấm thía nhiều bài học cho mình. Như vậy, mượn câu chuyện của chú Dế Mèn, tác giả Tô Hoài muốn nói tới câu chuyện của con người, đó là sự khiêm tốn, nhường nhịn, không được kiêu ngạo như chú Dế Mèn. Nhưng khi gây ra lỗi lầm thì phải biết phục thiện, phải yêu thương cuộc sống, yêu thương những người xung quanh như chú Dế Mèn trong đoạn trích.

Chú thích:

- Từ ghép: *nhân vật, bài học, thanh niên, thông minh...*

- Từ láy: *đẹp đẽ, khỏe khoắn, thắm thía...*

Câu 2 (5 điểm):

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

“Nhưng còn cần cho trẻ

Tình yêu và lời ru

Thế nên mẹ sinh ra

Để bé bông, chăm sóc

Mẹ mang về tiếng hát

Từ cái bóng, cái bang

Từ cái hoa rất thơm

Từ cánh cò rất trắng

Từ vị gừng rất đắng

Từ vết lấm chưa khô

Từ đầu nguồn cơn mưa

Từ bãi sông cát vắng...”

(Xuân Quỳnh, *Chuyện cổ tích về loài người*)

Phương pháp giải:

Nêu cảm nhận của bản thân em

Lời giải chi tiết:

Dàn ý tham khảo:

1. Mở bài

- Giới thiệu về nhà thơ Xuân Quỳnh với những trang thơ rất nhân hậu, âu yếm dành cho thiếu nhi.

- Giới thiệu bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* của Xuân Quỳnh, khái quát nội dung, nghệ thuật và trích dẫn đoạn thơ.

2. Thân bài

a. Cảm nhận về nội dung của đoạn thơ

- Trên Trái Đất, những đứa trẻ sinh ra trước tiên; để cho trẻ em được vui chơi, được yêu thương... nên mới sinh ra bầu trời, sông biển, cỏ cây, hoa lá, ông bà...

- Đoạn thơ đã dẫn tiếp nối mạch thơ ấy: để cho trẻ có tình yêu và lời ru nên mẹ được sinh ra.

- Mẹ mang đến cho trẻ lời ru bất tận được mang về từ mọi nơi: cái bóng cái bang, cái hoa, cánh cò, vị gừng, vết lấm chưa khô, bờ sông bãi vắng...

=> Lời ru của mẹ thấm những nhọc nhằn, đắng cay bởi mẹ nuôi con bao vất vả khó nhọc. Nhưng lời ru của mẹ cũng chứa chan hạnh phúc, niềm vui (cái hoa rất thơm, cánh cò rất trắng).

=> Con sinh ra được hưởng tất cả những điều tốt đẹp, những tình cảm yêu thương nhất; cả thế giới là để dành cho con trong đó có mẹ.

b. Cảm nhận về nghệ thuật

- Cách lí giải tường tận nguồn gốc vạn vật tưởng như phi lí của nhà thơ rất phù hợp với cái nhìn ngây thơ, non nớt của trẻ nhỏ

- Điệp ngữ “tử” và những hình ảnh thơ phong phú, sinh động đã gợi dậy hình ảnh thế giới qua mắt trẻ nhỏ rất xinh xắn, ngây thơ đồng thời thể hiện được tình yêu thương bao la của mẹ (muốn mang cả thế giới đến cho con), lột tả được những nhọc nhằn, vất vả mà mẹ đã trải qua để nuôi dạy con.

- Thể thơ năm chữ phù hợp với nội dung kể chuyện cho thiếu nhi

3. Kết bài

- Giá trị nội dung và nghệ thuật hài hòa với nhau đã tạo nên những giá trị đậm tính nhân văn và nhân đạo cho tác phẩm

- Cả nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ đều đã hướng đến thể hiện tình yêu thương bao la của mẹ dành cho con

- Khẳng định đóng góp của nhà thơ Xuân Quỳnh khi viết thơ cho thiếu nhi

ĐỀ 2

Phần I: ĐỌC - HIỂU (4 điểm)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

CÁ CHÉP VÀ CON CUA

Cá chép con dạo chơi trong hồ nước. Lúc đi ngang nhà cua, thấy cua đang nằm, vẻ mặt rất đau đớn, cá chép bèn bơi lại gần và hỏi:

- Bạn cua ơi, bạn làm sao thế?

Cua trả lời:

- Tôi đang lột xác bạn ạ.

- Ôi, chắc là bạn đau lắm. Nhưng tại sao bạn lại phải làm như thế ?

- Họ hàng nhà tôi ai cũng phải lột xác thì mới lớn lên và trưởng thành được, dù rất đau đớn cá chép con ạ.

- À, bây giờ thì tôi đã hiểu.

(Những mẫu chuyện thiếu nhi chọn lọc - NXB Kim Đồng, 2009)

Câu 1 (2 điểm): Khoanh tròn vào đáp án đúng trong các câu hỏi sau:

1. Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ ba

C. Ngôi thứ nhất số nhiều

D. Ngôi kể thay đổi linh hoạt

2. Các nhân vật xuất hiện trong văn bản là?

A. Thỏ và rùa

B. Thỏ và ếch

C. Cáo và cua

D. Cá chép con và cua

3. Văn bản trên sử dụng chủ yếu biện pháp tu từ nghệ thuật nào?

A. So sánh

B. Ẩn dụ

C. Nhân hóa

D. Hoán dụ

4. Vì sao họ hàng nhà cua phải lột xác dù rất đau đớn?

A. Vì phải lột xác thì mới lớn lên và trưởng thành được

B. Vì lột xác xong sẽ có bộ vỏ có màu sắc rất đẹp

C. Vì càng lột xác thì vỏ sẽ càng cứng hơn

D. Vì để nguy trang với các loài vật to lớn hơn

Câu 2 (1 điểm): Tìm trong văn bản lời của người kể chuyện và lời nhân vật.

Câu 3 (1 điểm): Từ câu chuyện trên, em nhận được thông điệp nào? Trình bày bằng 2-3 câu văn.

Phần II: TẠO LẬP VĂN BẢN (6 điểm)

Viết một đoạn văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em.

ĐÁP ÁN ĐỀ 2**Phần I:****Câu 1:**

1. Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ ba
- C. Ngôi thứ nhất số nhiều
- D. Ngôi kể thay đổi linh hoạt

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản, chú ý

Lời giải chi tiết:

Văn bản trên được kể theo ngôi thứ ba

=> Đáp án: B

2. Các nhân vật xuất hiện trong văn bản là?

- A. Thỏ và rùa
- B. Thỏ và ếch
- C. Cáo và cua
- D. Cá chép con và cua

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản, chú ý các nhân vật xuất hiện

Lời giải chi tiết:

Các nhân vật trong văn bản là cá chép con và cua

=> Đáp án: D

3. Văn bản trên sử dụng chủ yếu biện pháp tu từ nghệ thuật nào?

- A. So sánh
- B. Ẩn dụ
- C. Nhân hóa
- D. Hoán dụ

Phương pháp giải:

Đọc kỹ và xác định biện pháp tu từ

Lời giải chi tiết:

Văn bản sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa là chủ yếu có tác dụng làm cho câu chuyện trở nên sinh động, hấp dẫn và có ý nghĩa sâu sắc

=> Đáp án: C

4. Vì sao họ hàng nhà cua phải lột xác dù rất đau đớn?

- A. Vì phải lột xác thì mới lớn lên và trưởng thành được
- B. Vì lột xác xong sẽ có bộ vỏ có màu sắc rất đẹp
- C. Vì càng lột xác thì vỏ sẽ càng cứng hơn
- D. Vì dễ nguy trang với các loài vật to lớn hơn

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản, chú ý lời của nhân vật cua

Lời giải chi tiết:

Họ hàng nhà cua phải lột xác dù rất đau đớn vì phải lột xác thì mới lớn lên và trưởng thành được

=> Đáp án: A

Câu 2:

Tìm trong văn bản lời của người kể chuyện và lời nhân vật.

Phương pháp giải:

Đọc và xác định lời kể của người kể chuyện và lời kể của nhân vật

Lời giải chi tiết:

- Lời người kể chuyện: Cá chép con dạo chơi trong hồ nước. Lúc đi ngang nhà cua, thấy cua đang nằm, vẻ mặt rất đau đớn, cá chép bèn bơi lại gần và hỏi, cua trả lời.

- Lời nhân vật: Bạn cua ơi, bạn làm sao thế? Tớ đang lột xác bạn ạ. Ôi, chắc là bạn đau lắm. Nhưng tại sao bạn lại phải làm như thế? Họ hàng nhà tớ ai cũng phải lột xác thì mới lớn lên và trưởng thành được, dù rất đau đớn cá chép con ạ. À, bây giờ thì tớ đã hiểu.

Câu 3:

Từ câu chuyện trên, em nhận được thông điệp nào? Trình bày bằng 2-3 câu văn.

Phương pháp giải:

Từ nội dung văn bản rút ra thông điệp

Lời giải chi tiết:

Thông điệp:

- Con người cần đối diện với khó khăn để trưởng thành và đạt được thành công trong cuộc sống.

- Con người muốn trưởng thành và đạt được thành công trong cuộc sống cần trải qua những chông gai, thử thách.

Phần II:

Viết một đoạn văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em.

Phương pháp giải:

Nêu suy nghĩ của bản thân

Lời giải chi tiết:**Bài tham khảo:**

Trải nghiệm là những món quà quý giá trong cuộc đời mỗi người, nó giống như những người thầy dạy dỗ chúng ta, giúp mỗi người có thêm bài học và kinh nghiệm trên đường đời. Em cũng có một trải nghiệm mà có lẽ suốt cuộc đời này sẽ không bao giờ quên. Năm lớp Năm em cùng các bạn trong xóm nhân buổi học về sớm đã rủ nhau đi tắm biển. Trong nhóm 4 bạn thì có một bạn bị sóng cuốn ra xa, lúc đó dường như đầu óc em quay cuồng không còn biết điều gì khi chứng kiến bạn mình như thế. May mắn hai bạn còn lại của nhóm em bình tĩnh hô hoán người đến cứu giúp và có một chú tốt bụng đã cứu được bạn em lên bờ. Lần đó bạn em mặt tái mét và chuyện đó khiến em sợ đến tận bây giờ. Vì cha mẹ đã nhiều lần giáo dục em về sự nguy hiểm khi đi tắm biển nô nghịch mà không có người lớn. Sau tai nạn này, em cố cẩn thận hơn khi làm bất cứ việc gì, và thâm cảm ơn ông trời vì đã được bình an. Với em, không gì quý giá hơn mạng sống.

ĐỀ 3

Phần I: ĐỌC - HIỂU (4 điểm)

Đọc văn bản sau:

SỰ TÍCH CÂY NGÔ

Năm ấy, trời hạn hán. Cây cối chết khô vì thiếu nước, bản làng xơ xác vì đói khát. Nhiều người phải bỏ bản ra đi tìm nơi ở mới. Ở nhà họ chỉ có hai mẹ con. Người mẹ ốm đau liên miên và cậu con trai lên 7 tuổi. Cậu bé tên là Aum, có nước da đen nhẫy và mái tóc vàng hoe. Tuy còn nhỏ nhưng Aum đã trở thành chỗ dựa của mẹ. Hằng ngày, cậu dậy sớm vào rừng kiếm măng, hái nấm, hái quả mang về cho mẹ. Nhưng trời ngày càng hạn hán hơn. Có những lần cậu đi cả ngày mà vẫn không tìm được thứ gì để ăn. Một hôm, vừa đói vừa mệt cậu thiếp đi bên bờ suối. Trong mơ, cậu nhìn thấy một con chim cắp quả gì to bằng bắp tay, phía trên có chùm râu vàng như mái tóc của cậu. Con chim đặt quả lạ vào tay Aum rồi vỗ cánh bay đi. Tỉnh dậy Aum thấy quả lạ vẫn ở trên tay. Ngạc nhiên, Aum lần bóc các lớp vỏ thì thấy phía trong hiện ra những hạt màu vàng nhạt, xếp thành hàng đều tăm tắp. Aum tía một hạt bỏ vào miệng nhai thử thì thấy có vị ngọt, bùi. Mừng quá, Aum cầm quả lạ chạy một mạch về nhà.

Mẹ của cậu vẫn nằm thêm thiếp trên giường. Thương mẹ mấy ngày nay đã đói lả, Aum vội tía những hạt lạ đó mang giã và nấu lên mời mẹ ăn. Người mẹ dần dần tỉnh lại, âu yếm nhìn đứa con hiếu thảo. Còn lại ít hạt, Aum đem gieo vào mảnh đất trước sân nhà. Hằng ngày, cậu ra sức chăm bón cho cây lạ. Nhiều hôm phải đi cả ngày mới tìm được nước uống nhưng Aum vẫn dành một gáo nước để tưới cho cây. Được chăm sóc tốt nên cây lớn rất nhanh, vươn những lá dài xanh mướt. Chẳng bao lâu, cây đã trở hoa, kết quả.

Mùa hạn qua đi, bà con lũ lượt tìm về bản cũ. Aum hái những quả lạ có râu vàng hoe như mái tóc của cậu biếu bà con để làm hạt giống. Quý tấm lòng thơm thảo của Aum, dân bản lấy tên cậu bé đặt tên cho cây có quả lạ đó là cây Aum, hay còn gọi là cây ngô. Nhờ có cây ngô mà từ đó, những người dân Pako không còn lo thiếu đói nữa.

(Truyện cổ tích Việt Nam - Nguồn truyencotich.vn)

Câu 1 (0.5 điểm): Truyện Sự tích cây ngô thuộc thể loại nào?

- A. Truyện cổ tích
- B. Truyện đồng thoại
- C. Truyện thuyết
- D. Thần thoại

Câu 2 (0.5 điểm): Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ ba
- C. Ngôi thứ hai
- D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 3 (0.5 điểm): Trong câu chuyện, em bé cứu sống được mẹ là nhờ tìm được thầy lang giỏi, theo em đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 4 (0.5 điểm): Theo em, cây ngô biểu tượng cho điều gì của dân làng Pako?

- A. Biểu tượng cho sự sống và lòng hiếu thảo
- B. Biểu tượng cho sự sống và tình yêu thương
- C. Biểu tượng cho sự sống ấm no của dân làng
- D. Biểu tượng cho sự sống và ước mơ cao đẹp

Câu 5 (0.5 điểm): Vì sao em bé lại đem giống ngô cho mọi người?

- A. Vì em nghĩ mọi người đều thương yêu em
- B. Vì em bé muốn mẹ được khỏe mạnh
- C. Vì em thích loại giống lạ mới thấy lần đầu
- D. Vì em có lòng tốt muốn chia sẻ cho dân làng

Câu 6 (0.5 điểm): Chủ đề nào sau đây đúng với truyện Sự tích cây ngô?

- A. Ca ngợi ý nghĩa của loài cây
- B. Ca ngợi lòng hiếu thảo
- C. Ca ngợi tình cảm gia đình
- D. Ca ngợi tình mẫu tử

Câu 7 (0.5 điểm): Trong câu văn “Mùa hạn qua đi, bà con lũ lượt tìm về bản cũ.”, từ lũ lượt là từ gì?

- A. Từ láy
- B. Từ nhiều nghĩa
- C. Từ ghép
- D. Từ đồng âm

Câu 8 (0.5 điểm): “Hằng ngày, cậu dậy sớm vào rừng kiếm măng, hái nấm, hái quả mang về cho mẹ.” Từ in đậm trong câu văn thuộc loại trạng ngữ nào?

- A. Trạng ngữ chỉ thời gian
- B. Trạng ngữ chỉ mục đích
- C. Trạng ngữ chỉ nơi chốn
- D. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân

Phần II: TẠO LẬP VĂN BẢN (6 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Qua câu chuyện, em thấy mình cần phải có trách nhiệm gì với cha mẹ và cộng đồng?

Câu 2 (5 điểm): Viết đoạn văn cảm nhận về em bé trong bài thơ “Mây và sóng”. Từ đó, nêu những suy nghĩ về trách nhiệm của người con với gia đình

ĐÁP ÁN ĐỀ 3**Phần I:****Câu 1:**

Truyện Sự tích cây ngô thuộc thể loại nào?

- A. Truyện cổ tích
- B. Truyện đồng thoại
- C. Truyền thuyết
- D. Thần thoại

Phương pháp giải:

Đọc kỹ và dựa vào đặc trưng thể loại

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 2:

Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ ba
- C. Ngôi thứ hai
- D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Phương pháp giải:

Đọc kỹ câu chuyện, chú ý lời kể

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 3:

Trong câu chuyện, em bé cứu sống được mẹ là nhờ tìm được thầy lang giỏi, theo em đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Phương pháp giải:

Đọc kỹ nội dung truyện

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 4:

Theo em, cây ngô biểu tượng cho điều gì của dân làng Pako?

- A. Biểu tượng cho sự sống và lòng hiếu thảo
- B. Biểu tượng cho sự sống và tình yêu thương
- C. Biểu tượng cho sự sống ấm no của dân làng
- D. Biểu tượng cho sự sống và ước mơ cao đẹp

Phương pháp giải:

Đọc kỹ nội dung truyện

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 5:

Vì sao em bé lại đem giống ngô cho mọi người?

- A. Vì em nghĩ mọi người đều thương yêu em
- B. Vì em bé muốn mẹ được khỏe mạnh
- C. Vì em thích loại giống lạ mới thấy lần đầu
- D. Vì em có lòng tốt muốn chia sẻ cho dân làng

Phương pháp giải:

Nêu suy nghĩ của em

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Câu 6:

Chủ đề nào sau đây đúng với truyện Sự tích cây ngô?

- A. Ca ngợi ý nghĩa của loài cây
- B. Ca ngợi lòng hiếu thảo
- C. Ca ngợi tình cảm gia đình
- D. Ca ngợi tình mẫu tử

Phương pháp giải:

Từ nội dung rút ra chủ đề

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 7:

Trong câu văn “Mùa hạn qua đi, bà con lũ lượt tìm về bản cũ”, từ *lũ lượt* là từ gì?

- A. Từ láy
- B. Từ nhiều nghĩa
- C. Từ ghép
- D. Từ đồng âm

Phương pháp giải:

Nêu suy nghĩ của em

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 8:

“Hằng ngày, cậu dậy sớm vào rừng kiếm măng, hái nấm, hái quả mang về cho mẹ.” Từ in đậm trong câu văn thuộc loại trạng ngữ nào?

- A. Trạng ngữ chỉ thời gian
- B. Trạng ngữ chỉ mục đích
- C. Trạng ngữ chỉ nơi chốn
- D. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân

Phương pháp giải:

Vận dụng kiến thức về trạng ngữ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Phần II:

Câu 1:

Qua câu chuyện, em thấy mình cần phải có trách nhiệm gì với cha mẹ và cộng đồng?

Phương pháp giải:

Đọc kỹ câu chuyện, từ nội dung rút ra suy nghĩ về trách nhiệm của bản thân

Lời giải chi tiết:

Qua câu chuyện, em thấy mình cần phải chăm sóc, hiếu thảo với cha mẹ cũng như biết san sẻ, quan tâm với cộng đồng

Câu 2:

Viết đoạn văn cảm nhận về em bé trong bài thơ “Mây và sóng”. Từ đó, nêu những suy nghĩ về trách nhiệm của người con với gia đình

Phương pháp giải:

Nêu suy nghĩ của em

Lời giải chi tiết:

Từ câu chuyện kể trong tác phẩm *Mây và sóng* đã cho người đọc những cảm nhận thiêng liêng về tình mẫu tử và trách nhiệm của người con đối với gia đình. Giống như bao đứa trẻ khác, cậu bé cũng hồn nhiên và ham vui với những trò chơi mới lạ. Em muốn được là đám mây rong chơi trên bầu trời rộng lớn, hay là con sóng nhỏ lăn xa ra mãi đại dương. Đó là những ước mơ về chinh phục thiên nhiên rất hồn nhiên và đáng yêu của trẻ thơ. Thế nhưng, trong những ước mơ đó em luôn hình dung về mẹ, mẹ đợi em ở nhà và muốn em ở bên mẹ. Vì thế, em đã trả lời “làm sao có thể rời mẹ và đi được”. Câu trả lời của em cho thấy trách nhiệm và tình yêu thương của em đối với mẹ của mình. Mẹ đã sinh con trong bao khó nhọc, đau đớn đẻ rồi nuôi nấng ta qua những tháng ngày vất vả, gian nan. Hạnh phúc của em đơn giản là được bên mẹ và cùng đùa vui trong những trò chơi em tạo ra chứ không phải mây xa biển rộng. Từ câu chuyện của cậu bé

đã nhắc nhở chúng ta về vai trò và trách nhiệm của người con trong gia đình. Bạn đã từng thấy ánh mắt mẹ ngóng trông mỗi khi mình đi học về muộn hay giọt nước mắt giấu vội khi mình ngang bướng cãi lời? Hãy yêu thương cha mẹ, hãy làm mẹ vui từ những hành động nhỏ hay lời nói quan tâm những lúc mẹ buồn. Hãy trân trọng khi còn có mẹ ở bên để quan tâm chăm sóc. Tình cảm gia đình là một dòng suối ấm áp, hiền hòa nuôi dưỡng tâm hồn ta, giúp ta có thể đứng vững trên đường đời đầy chông gai. Thế nên, ngay từ bây giờ, chúng ta hãy sống thật có trách nhiệm và dành tình yêu thương chân thành cho gia đình, đó là nghĩa vụ và cũng là tấm lòng hiếu thảo đền đáp công ơn sinh thành của mẹ cha.

ĐỀ 4

Phần I: ĐỌC - HIỂU (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Gió bắc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lát phát... Bên gốc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút. Thỏ đuổi theo. Tấm vải rơi tròng trành trên ao nước. Thỏ vừa đặt chân xuống nước đã vội co lên. Thỏ cố khều nhưng đưa chân không tới. Một chú Nhím vừa đi đến. Thỏ thấy Nhím liền nói:

- Tôi đánh rơi tấm vải khoác!
- Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sao được.

Nhím nhặt chiếc que khều... Tấm vải dạt vào bờ, Nhím nhặt lên, giữ nước, quấn lên người Thỏ:

- Phải may thành một chiếc áo, có thế mới kín được.
- Tôi đã hỏi rồi. Ở đây chẳng có ai may vá gì được.

Nhím ra dáng nghĩ:

- Ừ! Muốn may áo phải có kim. Tôi thiếu gì kim.

Nói xong, Nhím xù lông. Quả nhiên vô số những chiếc kim trên mình Nhím dựng lên nhọn hoắt. Nhím rút một chiếc lông nhọn, cỡi tấm vải trên mình Thỏ để may.

(Trích “Những chiếc áo ấm”, Võ Quảng)

Câu 1 (0.5 điểm): Thể loại của đoạn trích trên là:

- A. Truyện cổ tích
- B. Truyện đồng thoại
- C. Truyện truyền thuyết
- D. Truyện ngắn

Câu 2 (0.5 điểm): Đoạn trích trên được kể bằng lời của ai?

- A. Lời của người kể chuyện
- B. Lời của nhân vật Nhím
- C. Lời của nhân vật Thỏ
- D. Lời của Nhím và Thỏ

Câu 3 (0.5 điểm): Nhận xét nào nêu lên đặc điểm của nhân vật trong văn bản trên?

- A. Nhân vật là loài vật, sự vật được nhân cách hóa như con người.
- B. Nhân vật là loài vật, sự vật có liên quan đến lịch sử.
- C. Nhân vật là loài vật, sự vật có những đặc điểm kì lạ.
- D. Nhân vật là loài vật, sự vật gắn bó thân thiết với con người như bạn.

Câu 4 (0.5 điểm): Em hiểu nghĩa của từ “tròng trành” trong câu “Tắm vải rơi tròng trành trên ao nước.” là gì?

- A. quay tròn, không giữ được thăng bằng.
- B. ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại.
- C. ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại, không giữ được thăng bằng.
- D. ở trạng thái quay tròn, nghiêng qua nghiêng lại.

Câu 5 (0.5 điểm): Có bao nhiêu từ láy trong đoạn văn sau?

“Gió bắc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khăng khiu chóc chóc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất... Bên gốc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút.”

- A. Bốn từ
- B. Năm từ
- C. Sáu từ
- D. Bảy từ

Câu 6 (0.5 điểm): Từ ghép trong câu văn “Nhím rút một chiếc lông nhọn, cời tấm vải trên mình Thỏ để may” là những từ nào?

- A. Nhím rút, tấm vải
- B. Một chiếc, để may
- C. Chiếc lông, tấm vải
- D. Lông nhọn, trên mình

Phần II: TẠO LẬP VĂN BẢN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong câu văn sau “Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật”.

Câu 2 (5 điểm): Viết đoạn văn diễn tả những suy nghĩ của em về nhân vật Dế Mèn trong văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”

ĐÁP ÁN ĐỀ 4**Phần I:****Câu 1:**

Thể loại của đoạn trích trên là:

- A. Truyện cổ tích
- B. Truyện đồng thoại
- C. Truyện truyền thuyết
- D. Truyện ngắn

Phương pháp giải:

Dựa vào đặc trưng thể loại

Lời giải chi tiết:

Thể loại của đoạn trích trên là truyện đồng thoại

=> Đáp án: B

Câu 2:

Đoạn trích trên được kể bằng lời của ai?

- A. Lời của người kể chuyện
- B. Lời của nhân vật Nhím
- C. Lời của nhân vật Thỏ
- D. Lời của Nhím và Thỏ

Phương pháp giải:

Chú ý ngôn ngữ, lời của người kể chuyện

Lời giải chi tiết:

Đoạn trích sử dụng ngôi kể thứ ba => lời kể của người kể chuyện

=> Đáp án: A

Câu 3:

Nhận xét nào nêu lên đặc điểm của nhân vật trong văn bản trên?

- A. Nhân vật là loài vật, sự vật được nhân cách hóa như con người.
- B. Nhân vật là loài vật, sự vật có liên quan đến lịch sử.
- C. Nhân vật là loài vật, sự vật có những đặc điểm kì lạ.
- D. Nhân vật là loài vật, sự vật gắn bó thân thiết với con người như bạn.

Phương pháp giải:

Từ nội dung văn bản rút ra đặc điểm của nhân vật

Lời giải chi tiết:

Đặc điểm của nhân vật trong văn bản trên là loài vật, sự vật được nhân cách hóa như con người

=> Đáp án: A

Câu 4:

Em hiểu nghĩa của từ “tròng trành” trong câu “Tám vải rơi tròng trành trên ao nước.” là gì?

- A. quay tròn, không giữ được thăng bằng.
- B. ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại.
- C. ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại, không giữ được thăng bằng.
- D. ở trạng thái quay tròn, nghiêng qua nghiêng lại.

Phương pháp giải:

Dựa vào ngữ cảnh để xác định nghĩa của từ “tròng trành”

Lời giải chi tiết:

Từ “tròng trành” nghĩa là ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại, không giữ được thăng bằng

=> Đáp án: C

Câu 5:

Có bao nhiêu từ láy trong đoạn văn sau?

“Gió bắc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khằng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất... Bên gốc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút.”

- A. Ba từ
- B. Bốn từ
- C. Năm từ
- D. Sáu từ

Phương pháp giải:

Đọc và xác định từ láy

Lời giải chi tiết:

Có 6 từ láy trong đoạn văn: ào ào, khằng khiu, chốc chốc, bần bật, lất phất, vun vút

=> Đáp án: D

Câu 6:

Từ ghép trong câu văn “Nhím rút một chiếc lông nhọn, cởi tấm vải trên mình Thỏ để may” là những từ nào?

- A. Nhím rút, tấm vải
- B. Một chiếc, để may
- C. Chiếc lông, tấm vải
- D. Lông nhọn, trên mình

Phương pháp giải:

Đọc và xác định từ ghép

Lời giải chi tiết:

Các từ ghép: chiếc lông, tấm vải

=> Đáp án: C

Phần II:**Câu 1:**

Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong câu văn sau “Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật”.

Phương pháp giải:

Đọc và xác định biện pháp tu từ nhân hóa

Lời giải chi tiết:

- Biện pháp tu từ nhân hóa: *run lên bần bật*.

- Tác dụng:

+ Biện pháp nhân hóa đã làm cho hình ảnh cây cối trở nên sinh động, giống như con người, cũng cảm nhận được cái rét của gió bắc.

+ Gọi tả khung cảnh mùa đông giá rét

Câu 2:

Viết đoạn văn diễn tả những suy nghĩ của em về nhân vật Dế Mèn trong văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”

Phương pháp giải:

Từ nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích, nêu cảm nghĩ của em

Lời giải chi tiết:

Nhân vật Dế Mèn trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* của nhà văn Tô Hoài là nhân vật để lại trong bạn đọc nhiều suy ngẫm. Thật vậy, Dế Mèn được

xây dựng trong truyện là một chàng rể khỏe mạnh và cường tráng. Đế Mèn có vẻ đẹp về hình thể, được thể hiện qua đôi cẳng mắt bóng, thân hình rắn rỏi ra dáng con nhà võ. Hơn nữa, việc sống tự lập từ sớm đã làm cho Đế Mèn có khả năng xây dựng và sinh sống riêng. Cậu không chỉ có vẻ đẹp về hình thể mà còn mang trong mình khí chất, bản lĩnh của một chàng Đế khỏe mạnh và cường tráng. Tuy nhiên, từ nhân vật Đế Mèn, bạn đọc lại ngẫm ra được một số bài học. Đó là những bài học về đạo đức làm người mà Đế Mèn chưa có. Thứ nhất, cậu coi khinh người bạn Đế Choắt của mình. Trong truyện, Mèn đã chê Choắt là “hôi như chuột” rồi còn không cho Choắt đào hang sang nhà mình nữa. Đế Mèn luôn giữ thái độ khinh thường Choắt, không coi Choắt ngang hàng với mình. Thứ hai, Đế Mèn trêu chị Cốc nhưng lại không nhận lỗi và kết cục là dẫn đến cái chết của Đế Choắt. Nguyên nhân là do Mèn hung hăng, tự cao trêu chọc chị Cốc nhưng lại nhất gan không dám nhận lỗi mà ba chân bốn cẳng chuồn trước. Và rồi, người lĩnh hậu quả là Choắt tội nghiệp. Cuối cùng, Mèn đã nhận được bài học thấm thía sâu sắc về thái độ sống khiêm nhường ở đời. Tóm lại, Đế Mèn là nhân vật được xây dựng thành công có vẻ đẹp hình thể nhưng thái độ sống thì còn kiêu căng, hống hách.

ĐỀ 5

Phần I: ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

SỰ TÍCH HOA CÚC TRẮNG

Ngày xưa, có một gia đình nghèo gồm hai mẹ con sống nương tựa vào nhau, cuộc sống của họ bình yên trong một ngôi nhà nhỏ. Người mẹ hàng ngày tần tảo làm lụng nuôi con. Người con thì cũng hiếu thảo, biết vâng lời mẹ và chăm chỉ học hành. Một ngày kia, người mẹ bỗng lâm bệnh nặng, mặc dù người con rất thương mẹ, chạy chữa biết bao thầy lang giỏi trong vùng cũng không chữa khỏi cho mẹ. Em buồn lắm, ngày ngày đều cầu phúc cho mẹ. Thương mẹ, người con quyết tâm đi tìm thầy nơi khác về chữa bệnh. Người con đi mãi, qua bao nhiêu làng mạc, núi sông, ăn đói mặc rách vẫn không nản lòng.

Đến một hôm, khi đi ngang qua một ngôi chùa, em xin nhà sư trụ trì được vào thắp hương cầu phúc cho mẹ. Lời cầu xin của em khiến trời nghe cũng phải nhỏ lệ, đất nghe cũng cúi mình. Lời cầu xin đó đến tai Đức Phật từ bi, Người cảm thương tấm lòng hiếu thảo đó của em nên đã tự mình hóa thân thành một nhà sư. Nhà sư đi ngang qua chùa và tặng em một bông hoa trắng rồi nói:

- Bông hoa này là biểu tượng của sự sống, là bông hoa chứa đựng niềm hi vọng, là ước mơ của loài người, là thần dược để chữa bệnh cho mẹ con, con hãy mang nó về chăm sóc. Nhưng phải nhớ rằng, cứ mỗi năm sẽ có một cánh hoa rụng đi và bông hoa có bao nhiêu cánh thì mẹ con chỉ sống được bấy nhiêu năm. Nói rồi nhà sư biến mất.

Em nhận bông hoa, cảm tạ Đức Phật, lòng em rất đổi vui mừng. Nhưng khi đếm những cánh hoa, lòng em bỗng buồn trở lại khi biết rằng bông hoa chỉ có năm cánh, nghĩa là mẹ em chỉ sống được thêm với em có năm năm nữa. Thương mẹ quá, em nghĩ ra một cách, em liền liềm xé nhỏ những cánh hoa ra thành nhiều cánh nhỏ, nhiều đến khi không còn đếm được bông hoa có bao nhiêu cánh nữa. Nhờ đó mà mẹ em đã khỏi bệnh và sống rất lâu bên người con hiếu thảo của mình. Bông hoa trắng với vô số cánh nhỏ đó đã trở thành biểu tượng của sự sống, là ước mơ trường tồn, là sự hiếu thảo của người con đối với mẹ, là khát vọng chữa lành mọi bệnh tật cho mẹ của người con. Ngày nay, bông hoa đó được người đời gọi là hoa cúc trắng.

(Phỏng theo Truyện cổ tích Nhật Bản - Sách Ngựa Gióng)

Câu 1. Truyện Sự tích hoa cúc trắng thuộc thể loại nào?

- A. Truyện cổ tích
- B. Truyện đồng thoại
- C. Truyền thuyết
- D. Thần thoại

Câu 2. Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ ba
- C. Ngôi thứ hai
- D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 3. Trong câu chuyện, em bé cứu sống được mẹ là nhờ tìm được thầy lang giỏi, theo em đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 4. Theo nhà sư, bông hoa cúc trắng biểu tượng cho điều gì?

- A. Biểu tượng cho sự sống và lòng hiếu thảo
- B. Biểu tượng cho sự sống và lòng kiên trì
- C. Biểu tượng cho sự sống và tình yêu thương
- D. Biểu tượng cho sự sống và ước mơ cao đẹp

Câu 5. Vì sao em bé lại xé nhỏ các cánh hoa?

- A. Vì em vốn là đứa trẻ hiếu động
- B. Vì em nghĩ bông hoa nhiều cánh sẽ đẹp hơn
- C. Vì em bé muốn mẹ sống lâu bên mình
- D. Vì em thích bông hoa nhiều cánh

Câu 6. Trong câu văn “Người mẹ hàng ngày tần tảo làm lụng nuôi con”, từ láy tần tảo có ý nghĩa là:

- A. làm lụng chăm chỉ công việc nhà trong hoàn cảnh khó khăn
- B. làm lụng chăm chỉ công việc đồng áng trong hoàn cảnh khó khăn
- C. làm lụng chăm chỉ việc nhà và đồng áng trong hoàn cảnh khó khăn
- D. làm lụng vất vả, lo toan việc nhà trong hoàn cảnh khó khăn

Câu 7. “Ngày xưa, có một gia đình nghèo gồm hai mẹ con sống nương tựa vào nhau, cuộc sống của họ bình yên trong một ngôi nhà nhỏ”. Từ in đậm trong câu văn thuộc loại trạng ngữ nào?

- A. Trạng ngữ chỉ mục đích
- B. Trạng ngữ chỉ nơi chốn
- C. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân
- D. Trạng ngữ chỉ thời gian

Câu 8. Chủ đề nào sau đây đúng với truyện Sự tích hoa cúc trắng?

- A. Ca ngợi ý nghĩa các loài hoa
- B. Ca ngợi tình mẫu tử
- C. Ca ngợi tình cảm gia đình
- D. Ca ngợi tình cha con

Câu 9. Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua văn bản trên là gì?

Câu 10. Qua câu chuyện, em thấy mình cần phải có trách nhiệm gì với cha mẹ?

Phần II: TẠO LẬP VĂN BẢN (4 điểm)

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em về một chuyến đi chơi về quê

ĐÁP ÁN ĐỀ 5**Phần I:****Câu 1:**

Truyện Sự tích hoa cúc trắng thuộc thể loại nào?

- A. Truyện cổ tích
- B. Truyện đồng thoại
- C. Truyền thuyết
- D. Thần thoại

Phương pháp giải:

Đọc kỹ và dựa vào đặc trưng thể loại

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 2:

Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ ba
- C. Ngôi thứ hai
- D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản, chú ý lời kể

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 3:

Trong câu chuyện, em bé cứu sống được mẹ là nhờ tìm được thầy lang giỏi, theo em đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Phương pháp giải:

Đọc kĩ câu chuyện

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 4:

Theo nhà sư, bông hoa cúc trắng biểu tượng cho điều gì?

- A. Biểu tượng cho sự sống và lòng hiếu thảo
- B. Biểu tượng cho sự sống và lòng kiên trì
- C. Biểu tượng cho sự sống và tình yêu thương
- D. Biểu tượng cho sự sống và ước mơ cao đẹp

Phương pháp giải:

Đọc kĩ câu chuyện

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: A

Câu 5:

Vì sao em bé lại xé nhỏ các cánh hoa?

- A. Vì em vốn là đứa trẻ hiếu động
- B. Vì em nghĩ bông hoa nhiều cánh sẽ đẹp hơn
- C. Vì em bé muốn mẹ sống lâu bên mình
- D. Vì em thích bông hoa nhiều cánh

Phương pháp giải:

Nêu suy nghĩ của em

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: C

Câu 6:

Trong câu văn “Người mẹ hàng ngày tần tảo làm lụng nuôi con”, từ láy tần tảo có ý nghĩa là:

- A. làm lụng chăm chỉ công việc nhà trong hoàn cảnh khó khăn
- B. làm lụng chăm chỉ công việc đồng áng trong hoàn cảnh khó khăn
- C. làm lụng chăm chỉ việc nhà và đồng áng trong hoàn cảnh khó khăn
- D. làm lụng vất vả, lo toan việc nhà trong hoàn cảnh khó khăn

Phương pháp giải:

Vận dụng kiến thức về từ láy và nghĩa của từ ngữ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Câu 7:

“Ngày xưa, có một gia đình nghèo gồm hai mẹ con sống nương tựa vào nhau, cuộc sống của họ bình yên trong một ngôi nhà nhỏ”. Từ in đậm trong câu văn thuộc loại trạng ngữ nào?

- A. Trạng ngữ chỉ mục đích
- B. Trạng ngữ chỉ nơi chốn
- C. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân
- D. Trạng ngữ chỉ thời gian

Phương pháp giải:

Vận dụng kiến thức về trạng ngữ

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: D

Câu 8:

Chủ đề nào sau đây đúng với truyện Sự tích hoa cúc trắng?

- A. Ca ngợi ý nghĩa các loài hoa
- B. Ca ngợi tình mẫu tử

- C. Ca ngợi tình cảm gia đình
D. Ca ngợi tình cha con

Phương pháp giải:

Từ nội dung truyện rút ra chủ đề

Lời giải chi tiết:

=> Đáp án: B

Câu 9:

Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua văn bản trên là gì?

Phương pháp giải:

Từ nội dung truyện rút ra thông điệp

Lời giải chi tiết:

Thông điệp mà tác giả gửi gắm tới mỗi người là câu chuyện xúc động về tình mẫu tử, là lòng hiếu thảo của người con. Lòng hiếu thảo vượt lên mọi chông gai và tạo nên kì tích tuyệt vời.

Câu 10:

Qua câu chuyện, em thấy mình cần phải có trách nhiệm gì với cha mẹ?

Phương pháp giải:

Nêu suy nghĩ của bản thân

Lời giải chi tiết:

Mỗi người đều cần có trách nhiệm với cha mẹ. Cha mẹ là người sinh ta ra, là người đã mang đến cho ta muôn điều hạnh phúc lớn lao trong đời. Vì lẽ đó, bên cạnh việc chỉ biết tận hưởng, ta cần có trách nhiệm, nghĩa vụ với cha mẹ của mình. Trách nhiệm ấy trước hết được thể hiện thông qua nhận thức của ta. Ta hiểu được cha mẹ đã hi sinh vì mình như thế nào. Để rồi từ đó, chúng ta có hành động, suy nghĩ, cư xử, nhận thức sao cho đúng đắn. Việc thể hiện lòng hiếu thảo với cha mẹ qua từng hành động như giúp đỡ cha mẹ công việc nhà, học tập chăm chỉ... đều nhỏ bé nhưng đều có ý nghĩa lớn lao. Thêm vào đó, trách nhiệm ấy không chỉ đơn giản là việc ta chu cấp cho cha mẹ cuộc sống vật chất đầy đủ

khi ta lớn lên. Trách nhiệm gắn với việc giúp cha mẹ có được đời sống tinh thần vui vẻ, hạnh phúc. Không ít người con hiện nay đã và đang chỉ biết đến bản thân mình và ích kỉ, xa cách cha mẹ. Mỗi người chúng ta dù lớn, dù lớn đến đâu thì ta cũng mãi chỉ là đứa trẻ trong lòng cha mẹ. Và chúng ta, hãy sống, hãy hành động sao cho xứng đáng với yêu thương, hi sinh của cha mẹ trong đời: Đi khắp thế gian, không ai tốt bằng mẹ/ Gánh nặng cuộc đời, không ai khổ bằng cha.

Phần II:

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em về một chuyến đi chơi về quê

Phương pháp giải:

Nhớ lại những trải nghiệm đáng nhớ của em về chuyến đi chơi về quê và kể lại

Lời giải chi tiết:

Bài tham khảo:

Kì nghỉ hè năm nay, em đã có một trải nghiệm bổ ích cùng với các ba mẹ. Đó là một chuyến du lịch để nghỉ ngơi sau một năm học tập căng thẳng. Trong kì nghỉ, ba mẹ cho em đi chơi Đà Lạt một tuần. Đó là phần thưởng ba mẹ dành cho em vì em đã cố gắng học tập và đạt được danh hiệu Học sinh xuất sắc.

Ba em chuẩn bị rất đầy đủ cho chuyến đi này. Từ mấy hôm trước, ba đã mua vé ở Trung tâm du lịch Lửa Việt. Sáng thứ ba, chúng tôi bắt đầu lên xe. Trên xe đã gần đủ người, anh lái xe nhấn còi báo hiệu cho du khách biết rằng sắp tới giờ xe chạy. Đúng 4 giờ 30 phút, xe rời bến.

Thành phố lúc sớm mai thật quang đãng, mát mẻ. Trên đường, người và xe cộ còn thưa thớt. Ra khỏi thành phố, xe rẽ ra quốc lộ I và bắt đầu tăng tốc. Em ngồi ghé sát cửa sổ nên tha hồ ngắm phong cảnh hai bên đường. Chẳng mấy chốc, xe đã tới ngã ba đi Đà Lạt. Từ đây, quốc lộ 20 uốn mình chạy giữa một màu xanh bát ngát của những rừng cao su nối tiếp nhau.

Phong cảnh mỗi lúc một khác. Chiếc xe lên dốc, xuống đèo liên tục. Có những đèo rất cao và dài hàng chục cây số. Anh lái xe bình tĩnh và khéo léo lái xe qua những chặng đường cheo leo, nguy hiểm, một bên là núi cao, một bên là vực sâu. Hành khách tỏ vẻ rất yên tâm, hoàn toàn trông cậy vào tay lái thành thạo của anh. Một số người ngả đầu vào thành ghế ngủ ngon lành. Một giờ chiều, xe đã tới địa phận thành phố Đà Lạt, điểm du lịch nổi tiếng trong cả nước. Từ xa, em đã nhìn thấy những đồi thông nối tiếp nhau. Tài xế dừng lại cho du khách chiêm ngưỡng vẻ đẹp của thác Pren. Nước từ trên cao xối xuống như một tấm

rèm màu trắng khổng lồ. Tiếng thác đổ đều đều, triệu triệu bụi nước li ti óng ánh.

Càng tiến vào gần thành phố, khung cảnh càng hấp dẫn hơn. Đó là một ngày nắng đẹp, từng đám mây trắng nhỏ nhỏ giăng giăng khắp nền trời xanh ngắt. Giữa rừng thông, thấp thoáng những ngôi nhà mái nhọn, lợp ngói đỏ tươi trông như những lâu đài huyền bí. Nửa giờ sau, xe đỗ trước cửa khách sạn Anh Đào. Khách sạn nhỏ nhưng xinh đẹp và đầy đủ tiện nghi.

Bữa ăn đầu tiên, cha mẹ và em được thưởng thức những món ăn cao nguyên thật ngon miệng. Đêm hôm ấy, em kéo chiếc chăn bông lên tận cổ và ngủ một giấc say sưa. Suốt mấy ngày ở đây, em được đi thăm rất nhiều cảnh đẹp của Đà Lạt như hồ Xuân Hương, thác Cam Ly, đồi Cù, Đồi thông hai mộ, thung lũng Tình Yêu, hồ Đa Thiện, thiền viện Trúc Lâm...

Ba chụp cho em rất nhiều ảnh. Em thích nhất là kiểu cưỡi ngựa trên đỉnh đồi, dưới gốc thông cổ thụ. Tới công viên thành phố, em vui sướng vịn vai chú gấu đen khổng lồ nhờ bông ngay gần cổng để ba chụp ảnh. Em say mê ngắm chim, ngắm thú, ngắm hoa quên cả thời gian.

Rồi ba đưa em đi chợ Đà Lạt. Em sửng sờ trước sự phong phú, tươi đẹp của các loài hoa xứ lạnh: hồng nhung, hồng vàng, lay-on, thược dược, cẩm chướng, phong lan, địa lan, ... và bao nhiêu loại cúc khác nhau. Trái cây cũng thật hấp dẫn: mận, đào, dâu tây, cam, bơ, nho, táo, ... thứ gì cũng ngon, cũng rẻ.

Một tuần tham quan trôi qua vùn vụt. Đã tới lúc tạm biệt Đà Lạt, trở về với mái ấm gia đình. Chuyến đi thú vị đã mở mang tầm hiểu biết của em về đất nước, con người. Đất nước mình đâu đâu cũng đẹp như tranh và con người thật nhân hậu, hiếu khách!

ĐỀ 6

I. ĐỌC HIỂU (4đ)

Học sinh đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi phía dưới

VÕ SĨ BỌ NGỰA

(trích – Tô Hoài)

Hôm sau, Bọ Ngựa đương lủi thủi, khật khưỡng, không vui vẻ như bữa đầu nữa thì bỗng nghe một tiếng động trước mặt. Gã đứng lại, ngẩng đầu lên, nom thấy một con vật lạ chưa trông thấy bao giờ.

Quái vật to gồ gồ như một viên đá. Sắc mình đen sì và bóng loáng. Cả đôi râu cũng đen. Chỉ trừ hai cái vạch trắng hai bên mắt. Mới thoát trong không có thể đoán biết được đầu đuôi nó đằng nào. Bởi chỗ nào cũng tròn múp míp, chỗ nào cũng nhẵn thín. Nhất là dưới mắt Bọ Ngựa ta, thì càng lạ lùng hơn nữa. Từ thuở bé, Bọ Ngựa chưa được trông thấy một con vật kì quái đến nhường ấy. Song thực đó chỉ là một cu cậu thường hay đậu trên thân những cây dừa, cây cau và có tiếng kêu cồ cộ... cồ cộ. Tiếng kêu ấy thành tên là Cồ Cộ. Hai mắt đen nhánh lẫn vào trong làn vỏ đen thẫm, nhưng đôi mắt thực tinh. Bọ Ngựa mới sột soạt đi đến, mà Cồ Cộ đã trông thấy ngay. Cồ Cộ hỏi:

- Tên kia, đến đây làm chi?

Bọ Ngựa cố gắng cứng cỏi:

- Ta là Đại Mã! Võ sĩ Đại Mã. Ta đi...

Cồ Cộ ngạc nhiên:

- Tên mi là Đại Mã? Lại là võ sĩ nữa?

Bọ Ngựa vênh mặt:

- Phải đó, người đã nghe đại danh ta rồi ư?

Cồ Cộ cười:

Thằng oắt tì! Tên mi là Bọ Ngựa chứ? Mà mi sao dám đặt hai chữ võ sĩ lên trước tên? Không sợ bị đánh cho gãy cổ hả?

- Mỗi chốc, ai đánh nổi ta, ta là võ sĩ...

Cò Cộ cả cười:

- Ta sẽ vặn gãy cổ mi. Nhưng này, võ sĩ Đại Mã oắt con ơi! Trước khi đánh nhau với võ sĩ, ta hỏi võ sĩ một điều: Võ sĩ định đi đâu đó?

- Ta đi du lịch phiêu lưu, con đường của Dế Mèn.

- Ái chà! Hăng nhì. Bắt chước ông Dế Mèn! Đi được bao nhiêu lâu rồi?

- Đã qua biết bao nhiêu rừng núi, không thể nhớ xiết được.

Thấy Cò Cộ cứ hỏi căn hỏi vặn, Bọ Ngựa đồ ngay Cò Cộ cũng hạng xoàng liền nổi máu hăng, thách:

- Làm sao ngươi lại được hỏi căn vặn ta? Định đấu gươm với ta chăng?

Cò Cộ cười ha hả:

- Ta đã bảo rồi ta sẽ đánh mi mà, đừng vội. Nhưng bây giờ thì ta lại thương mi mà không muốn đánh mi nữa.

- Nếu thế, đồ hèn!

- ...Nhưng ta sẽ làm cho mi mở mắt ra, rồi muốn sống, muốn tốt thì ngay về với mẹ.

Nói rồi Cò Cộ quắp lấy lưng Bọ Ngựa, giương cánh ra, bay tít lên ngọn cây dừa gần đó. Bọ Ngựa hoảng hốt quá, rúm cả chân, rúm cả cẳng và nhắm tịt mắt lại. Bốn bên xung quanh gió thổi vo vo. Cò Cộ đỗ trên ngọn cây dừa và bảo Bọ Ngựa rằng:

- Mi đã mở mắt ra chưa? Nếu mở mắt rồi, hãy cùng ta nhìn xuống dưới kia. Mi đi bấy nhiêu ngày đường, lặn lội qua bao nhiêu đèo, bao nhiêu suối, vậy mà không bằng ta chỉ vỗ cánh mấy cái, bay lên cao, đã có thể trông thấy quê hương của mi. Cái sự khó nhọc của mi đối với ta, chỉ là hạt bụi, hạt tằm. Đã hiểu như thế chưa? Và mi lại nên biết thêm rằng ở trên đời này, không thiếu gì kẻ còn giỏi hơn ta bao nhiêu lần nữa.

Sau đó, chú Bọ Ngựa được Cò Cộ đưa trả xuống đất. Bọ Ngựa chạy biến ngay về, không dám ngoảnh cổ lại nữa. Bọ Ngựa về đến cảnh hồng, mẹ vẫn chưa về. Nó nằm bẹp trên cây, không dám lớn vồn đi đâu nữa. Bởi vẫn chưa tan cơn sợ. Được mười hôm thì mẹ trở về. Nó mừng rỡ nhảy cẫng lên ôm lấy mẹ. Từ đấy, hai mẹ con lại sống với nhau đề huề. Mẹ nó đưa nó đi đến một chỗ ở mới kín đáo, ấm áp hơn. Những lương thực mà bà lão đem bên kia sông về cũng thừa đủ cho hai mẹ con ăn hết một mùa đông giá rét.

Một hôm, trời có nắng. Nắng mùa đông ấm áp, dịu dàng làm sao. Hai mẹ con ra hong cánh dưới ánh mặt trời. Trong lúc vui chuyện Bộ Ngựa con kể với mẹ:

- Mẹ ơi! Độ nọ mẹ sang bên kia sông rồi, ở nhà con đã làm được nhiều điều ghê lắm.

- Con thử kể cho mẹ nghe những ghê gớm ấy đến thế nào?

- Con đánh thằng Châu Châu Ma ở đằng kia. Nó phải nhận con là thầy nó.

Bà Bộ Ngựa mỉm cười:

- Tưởng là con đánh ai. Châu Châu Ma con chẳng phải đánh, nó vẫn sơ như thường. Con đã làm một việc thừa, mà lại ác nữa.

Chú Bộ Ngựa tiu nghỉu. Rồi chú tiếp:

- Con lại cho cả Gián Ông một trận.

Bà Bộ Ngựa cười to:

- Tưởng ai, cái thằng Gián Ông lúc nào cũng sợ, ai cũng sợ. Con lại làm một việc thừa, mà lại độc ác nữa.

Chú Bộ Ngựa tào nghiu hơn, và chú không khoe thêm gì nữa. Chú im lặng, nhìn ánh nắng rung rinh trong lá cây.

Nhưng bà lão Bộ Ngựa đã nói tiếp:

- Và con sang đánh nhau cả với Bộ Muồm, con bắt mụ ấy gọi con là võ sĩ Đại Mã. Mụ ấy nện cho con một trận mê toi. Con phải bỏ chạy về. Nhưng con cũng không chừa được cái thói khoác lác. Cho nên, khi con nghe tiếng đồn có ông Đế Mèn đi phiêu lưu thì con cũng tập tọng đi. Con đã quên cả lời mẹ dặn. Con đi, con gặp bác Cò Cộ, con dọa dẫm cả bác ta. Bác ta liền tóm cổ con, bay lên ngọn cây dừa. Đến đây con mới thực là sợ, biết chừa thói ngông cuồng và con mới thực hiểu rằng đường đời mỗi bước một khó. Con chạy trở về. Phải kể đến đây mới là hết những chuyện mà con đã làm trong khi vắng mẹ. Có phải thế chẳng? Con Võ sĩ bộ ngựa ơi! Bác Bộ Muồm chỉ cho con một cái đá hậu, là con thủng bụng. Bác Cò Cộ chỉ buông con từ ngọn cây cho rơi xuống, là con đứt tan xương. Các bác ấy đã thương con đấy. Trong khi bà lão Bộ Ngựa nói, chú Bộ Ngựa cứ ngẩn mặt. Rồi hai hàng nước mắt rung rung. À, chú Bộ Ngựa hờm mình đã biết hồi rồi..

(<https://by.com.vn/hjwJW>)

Câu hỏi

Câu 1: Những dấu hiệu cho biết văn bản trên là truyện đồng thoại:

- A. Có tả cảnh thiên nhiên và đối thoại của nhân vật là loài vật.
- B. Nhân vật là loài vật được nhân hóa, chứa đựng bài học sâu sắc.
- C. Nhân vật ít.
- D. Kể chuyện bằng ngôi thứ ba, có đối thoại.

Câu 2: Dòng nào nói đúng về chủ đề của tác phẩm?

- A. Bạn bè.
- B. Hoàn thiện bản thân.
- C. Thiên nhiên.
- D. Ứng xử.

Câu 3: Hai nhân vật chính của truyện Võ sĩ bọ ngựa là:

- A. Hai mẹ con nhà Bọ Ngựa.
- B. Cò Cộ và Bọ Muồm.
- C. Bọ ngựa và Cò Cộ.
- D. Mẹ Bọ Ngựa và Cò Cộ.

Câu 4: Sự việc nào sau đây không thuộc truyện Võ sĩ bọ ngựa?

- A. Gặp Cò Cộ
- B. Đánh nhau với nhện
- C. Trò chuyện với mẹ
- D. Cò Cộ bị quắp lên ngọn cây

Câu 5: Những sự việc nào không được kể trực tiếp trong văn bản? Phân tích tác dụng của cách kể chuyện ấy. Từ đó nhận xét vai trò của người mẹ trong việc giáo dục con, tình cảm nhà văn dành cho mẹ con nhà Bọ Ngựa (1đ)

Câu 6: Bọ ngựa đã nhận ra những bài học nào từ Cồ Cộ, từ lời của mẹ? Và em rút ra bài học gì cho chính mình khi đọc xong truyện này? (1đ)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

Câu 1: Quan sát 2 hình ảnh sau và trả lời câu hỏi a, b (2đ)

- Chỉ ra một sự liên quan giữa 2 hình ảnh với văn bản đọc Võ sĩ Bọ Ngựa ở trên
- Đặt tên cho mỗi hình ảnh trên

Câu 2: Đóng vai Bọ Ngựa kể lại đoạn truyện từ “Hôm sau Bọ ngựa đương lủi thủi, khật khưỡng đến không dám ngoảng cổ lại nữa” (thể hiện sâu hơn tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật Bọ Ngựa, bài dài từ 1-1,5 trang giấy thi) (4đ)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN ĐỀ 6

Đáp án đề 6

Phần I. ĐỌC HIỂU

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
B	B	C	B

Câu 1: Những dấu hiệu cho biết văn bản trên là truyện đồng thoại:

- A. Có tả cảnh thiên nhiên và đối thoại của nhân vật là loài vật.
- B. Nhân vật là loài vật được nhân hóa, chứa đựng bài học sâu sắc.
- C. Nhân vật ít.
- D. Kể chuyện bằng ngôi thứ ba, có đối thoại.

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Nhớ lại kiến thức về truyện đồng thoại

Lời giải chi tiết:

Dấu hiệu cho biết văn bản trên là truyện đồng thoại: Nhân vật là loài vật được nhân hóa, chứa đựng bài học sâu sắc.

→ Đáp án B

Câu 2: Dòng nào nói đúng về chủ đề của tác phẩm?

- A. Bạn bè.
- B. Hoàn thiện bản thân.
- C. Thiên nhiên.
- D. Ứng xử.

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản và rút ra chủ đề

Lời giải chi tiết:

Chủ đề của văn bản: bài học giúp hoàn thiện bản thân

→ Đáp án B

Câu 3: Hai nhân vật chính của truyện Võ sĩ bộ ngựa là:

- A. Hai mẹ con nhà Bộ Ngựa.
- B. Cò Cộ và Bộ Muồm.
- C. Bộ ngựa và Cò Cộ.
- D. Mẹ Bộ Ngựa và Cò Cộ.

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Lời giải chi tiết:

Hai nhân vật chính là: Bộ ngựa và Cò Cộ.

→ Đáp án C

Câu 4: Sự việc nào sau đây không thuộc truyện Võ sĩ bộ ngựa?

- A. Gặp Cò Cộ
- B. Đánh nhau với nhện
- C. Trò chuyện với mẹ
- D. Cò Cộ bị quắp lên ngọn cây

Phương pháp giải

Đọc kỹ văn bản

Phương pháp loại trừ

Lời giải chi tiết

Sự việc không thuộc truyện Võ sĩ bộ ngựa là: Đánh nhau với nhện

→ Đáp án B

Câu 5: Những sự việc nào không được kể trực tiếp trong văn bản? Phân tích tác dụng của cách kể chuyện ấy. Từ đó nhận xét vai trò của người mẹ trong việc giáo dục con, tình cảm nhà văn dành cho mẹ con nhà Bộ Ngựa (1đ)

Phương pháp giải:

Đọc kĩ văn bản

Nhớ lại kiến thức về ngôi kể, cách kể chuyện....

Lời giải chi tiết:

- Các sự kiện không được kể trực tiếp trong văn bản là: Các sự việc kể qua cuộc trò chuyện của Bộ Ngựa với mẹ: Bộ Ngựa đánh nhau với Châu Chấu Ma, Gián Ống, Bộ Muồm → chỉ kể tóm tắt qua cuộc trò chuyện

- Tác dụng

+ Người mẹ khiến Bộ Ngựa bớt sĩ diện, khoác lác mà nhận ra sự thật: Con đánh nhau với cả Bộ Muồm... Con đi, con gặp bác Cò Cộ, con dọa dẫm cả bác ta. Bác ta liền túm cổ con, bay lên ngọn cây dừa. Đến đây con mới thực là sợ, biết chừa thói ngông cuồng và con mới thực hiểu rằng đường đời mỗi bước một khó. Con chạy trở về

+ Lời khuyên của mẹ với Bộ Ngựa thấm qua từng sự việc cụ thể. Điều đó khiến Bộ Ngựa tiếp thu, lắng nghe lời mẹ khuyên

- Tình cảm nhà văn dành cho mẹ con Bộ Ngựa:

+ Mến phục bà mẹ luôn theo dõi con, có cách giáo dục con nhẹ nhàng phù hợp

+ Cảm thông với tuổi trẻ nông nổi, nhút nhát của Bộ Ngựa nên trách cứ không nặng nề; yêu thương khi cậu bé Bộ Ngựa hối lỗi

Câu 6: Bộ ngựa đã nhận ra những bài học nào từ Cò Cộ, từ lời của mẹ? Và em rút ra bài học gì cho chính mình khi đọc xong truyện này? (1đ)

Phương pháp giải:

Phân tích bài học rút ra từ văn bản

Đưa ra bài học mà bản thân rút ra được cho chính mình

Lời giải chi tiết:

Gợi ý: Cách Cồ Cộ dạy cho Bọ Ngựa một bài học:

+ Đã làm việc thừa và độc ác

+ Chừa thói khoác lác

+ Mọi người không trừng phạt là vì thương Bọ Ngựa

- Rút ra bài học gì cho chính mình: Học sinh tự làm

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

Câu 1: Quan sát 2 hình ảnh sau và trả lời câu hỏi a, b (2đ)

a. Chỉ ra một sự liên quan giữa 2 hình ảnh với văn bản đọc Võ sĩ Bọ Ngựa ở trên

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản và yêu cầu

Lời giải chi tiết:

Bức 1: Gợi ra kẻ vênh váo không nhìn thấy hổ ở dưới chân... sẽ thụt xuống hố

→ Gợi nhớ hình ảnh Bọ Ngựa huênh hoang suýt chuốc họa vào thân (với Cồ Cộ)

Bức 2: Gợi con người biết lắng nghe

→ Gợi nhớ hình ảnh Bọ Ngựa lắng nghe lời khuyên của Cồ Cộ về nhà với mẹ, lắng nghe lời khuyên của mẹ, thấm từng lời và xúc động

b. Đặt tên cho mỗi hình ảnh trên

Phương pháp giải

Quan sát kỹ hình ảnh, rút ra nội dung chính của từng hình ảnh

Lời giải chi tiết

Học sinh tự đặt tên tấm hình theo ý mình (cần ngắn gọn, sát với nội dung của bức hình)

Câu 2: Đóng vai Bọ Ngựa kể lại đoạn truyện từ “Hôm sau Bọ ngựa đương lủi thủi, khật khưỡng đến không dám ngoảng cổ lại nữa” (thể hiện sâu hơn tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật Bọ Ngựa, bài dài từ 1-1,5 trang giấy thi) (4đ)

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện bài văn

Lời giải chi tiết:

Đóng vai Bọ Ngựa kể lại đoạn truyện từ “Hôm sau... cổ lại nữa” (thể hiện sâu hơn tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật Bọ Ngựa và kết hợp miêu tả)		
Phần chính	Điểm	Nội dung cụ thể
Mở bài	0,5	Giới thiệu câu chuyện của bản thân (kể ngôi thứ nhất – xưng tôi)
Thân bài	2,5	<ul style="list-style-type: none"> - Khi gặp bác Cò Cộ, Bọ Ngựa rất lạ lẫm vì chưa gặp một con vật nào to như vậy - Bọ Ngựa nghe ngóng rồi lại tỏ vẻ ta không biết sợ ai - Khi bị Cò Cộ cắp bay lên ngọn dừa... + Nỗi sợ hãi + Không dám nhìn xuống + Chân run, nói không ra lời - Được thả xuống chạy biến về nhà... <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yếu tố miêu tả: “Quái vật to gồ gồ... thực tình” - Yếu tố miêu tả giúp người đọc hình dung một cách rõ ràng cụ thể hơn sự vật, sự việc được kể. Ở đây là hình dung rõ nét về đặc điểm hình dáng, màu sắc tên gọi... của Cò Cộ

Kết bài	0,5	- Nhận xét, suy ngẫm về Cờ Cộ... - Rút ra bài học cho bản thân...
Yêu cầu khác	0,5	- Bài viết thể hiện rõ đặc trưng thể loại: tự sự - Dùng ngôi kể thứ nhất phải nhất quán, hợp lí

Loigiaihay.com

ĐỀ 7

I. ĐỌC HIỂU (4đ)

Học sinh đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi phía dưới

VÕ SĨ BỌ NGỰA

(trích – Tô Hoài)

Hôm sau, Bọ Ngựa đương lủi thủi, khật khưỡng, không vui vẻ như bữa đầu nữa thì bỗng nghe một tiếng động trước mặt. Gã đứng lại, ngẩng đầu lên, nom thấy một con vật lạ chưa trông thấy bao giờ.

Quái vật to gồ gồ như một viên đá. Sắc mình đen sì và bóng loáng. Cả đôi râu cũng đen. Chỉ trừ hai cái vạch trắng hai bên mắt. Mới thoát trong không có thể đoán biết được đầu đuôi nó đằng nào. Bởi chỗ nào cũng tròn múp míp, chỗ nào cũng nhẵn thín. Nhất là dưới mắt Bọ Ngựa ta, thì càng lạ lùng hơn nữa. Từ thuở bé, Bọ Ngựa chưa được trông thấy một con vật kì quái đến nhường ấy. Song thực đó chỉ là một cu cậu thường hay đậu trên thân những cây dừa, cây cau và có tiếng kêu cò cộ... cò cộ. Tiếng kêu ấy thành tên là Cò Cộ. Hai mắt đen nhánh lẩn vào trong làn vỏ đen thẫm, nhưng đôi mắt thực tinh. Bọ Ngựa mới sột soạt đi đến, mà Cò Cộ đã trông thấy ngay. Cò Cộ hỏi:

- Tên kia, đến đây làm chi?

Bọ Ngựa cố gắng cứng cỏi:

- Ta là Đại Mã! Võ sĩ Đại Mã. Ta đi...

Cò Cộ ngạc nhiên:

- Tên mi là Đại Mã? Lại là võ sĩ nữa?

Bọ Ngựa vênh mặt:

- Phải đó, người đã nghe đại danh ta rồi ư?

Cò Cộ cười:

Thằng oắt tì! Tên mi là Bọ Ngựa chứ? Mà mi sao dám đặt hai chữ võ sĩ lên trước tên? Không sợ bị đánh cho gãy cổ hả?

- Mỗi chốc, ai đánh nổi ta, ta là võ...

Cò Cộ cả cười:

- Ta sẽ vặn gãy cổ mi. Nhưng này, võ sĩ Đại Mã oắt con ơi! Trước khi đánh nhau với võ sĩ, ta hỏi võ sĩ một điều: Võ sĩ định đi đâu đó?

- Ta đi du lịch phiêu lưu, con đường của Đế Mèn.

- Ái chà! Hăng nhỉ. Bắt chước ông Đế Mèn! Đi được bao nhiêu lâu rồi?

- Đã qua biết bao nhiêu rừng núi, không thể nhớ xiết được.

Thấy Cò Cộ cứ hỏi căn hỏi vặn, Bọ Ngựa đỏ ngay Cò Cộ cũng hạng xoàng liền nổi máu hăng, thách:

- Làm sao ngươi lại được hỏi căn vặn ta? Định đấu gươm với ta chăng?

Cò Cộ cười ha hả:

- Ta đã bảo rồi ta sẽ đánh mi mà, đừng vội. Nhưng bây giờ thì ta lại thương mi mà không muốn đánh mi nữa.

- Nếu thế, đồ hèn!

- ...Nhưng ta sẽ làm cho mi mở mắt ra, rồi muốn sống, muốn tốt thì ngay về với mẹ.

Nói rồi Cò Cộ quắp lấy lưng Bọ Ngựa, giương cánh ra, bay tít lên ngọn cây dừa gần đó. Bọ Ngựa hoảng hốt quá, rúm cả chân, rúm cả cẳng và nhắm tịt mắt lại. Bốn bên xung quanh gió thổi vo vo. Cò Cộ đỗ trên ngọn cây dừa và bảo Bọ Ngựa rằng:

- Mi đã mở mắt ra chưa? Nếu mở mắt rồi, hãy cùng ta nhìn xuống dưới kia. Mi đi bấy nhiêu ngày đường, lặn lội qua bao nhiêu đèo, bao nhiêu suối, vậy mà không bằng ta chỉ vỗ cánh mấy cái, bay lên cao, đã có thể trông thấy quê hương của mi. Cái sự khó nhọc của mi đối với ta, chỉ là hạt bụi, hạt tằm. Đã hiểu như thế chưa? Và mi lại nên biết thêm rằng ở trên đời này, không thiếu gì kẻ còn giỏi hơn ta bao nhiêu lần nữa.

Sau đó, chú Bọ Ngựa được Cò Cộ đưa trả xuống đất. Bọ Ngựa chạy biến ngay về, không dám ngoảnh cổ lại nữa. Bọ Ngựa về đến cảnh hông, mẹ vẫn chưa về. Nó nằm bẹp trên cây, không dám lớn vồn đi đâu nữa. Bởi vẫn chưa tan cơn sợ. Được mười hôm thì mẹ trở về. Nó mừng rỡ nhảy cẫng lên ôm lấy mẹ. Từ đấy, hai mẹ con lại sống với nhau đề huề. Mẹ nó đưa nó đi đến một chỗ ở mới kín đáo, ấm áp hơn. Những lương thực mà bà lão đem bên kia sông về cũng thừa đủ cho hai mẹ con ăn hết một mùa đông giá rét.

Một hôm, trời có nắng. Nắng mùa đông ấm áp, dịu dàng làm sao. Hai mẹ con ra hong cánh dưới ánh mặt trời. Trong lúc vui chuyện Bộ Ngựa con kể với mẹ:

- Mẹ ơi! Độ nọ mẹ sang bên kia sông rồi, ở nhà con đã làm được nhiều điều ghê lắm.

- Con thử kể cho mẹ nghe những ghê gớm ấy đến thế nào?

- Con đánh thằng Châu Châu Ma ở đằng kia. Nó phải nhận con là thầy nó.

Bà Bộ Ngựa mỉm cười:

- Tưởng là con đánh ai. Châu Châu Ma con chẳng phải đánh, nó vẫn sơ như thường. Con đã làm một việc thừa, mà lại ác nữa.

Chú Bộ Ngựa tiu nghỉu. Rồi chú tiếp:

- Con lại cho cả Gián Ông một trận.

Bà Bộ Ngựa cười to:

- Tưởng ai, cái thằng Gián Ông lúc nào cũng sợ, ai cũng sợ. Con lại làm một việc thừa, mà lại độc ác nữa.

Chú Bộ Ngựa tào nghiu hơn, và chú không khoe thêm gì nữa. Chú im lặng, nhìn ánh nắng rung rinh trong lá cây.

Nhưng bà lão Bộ Ngựa đã nói tiếp:

- Và con sang đánh nhau cả với Bộ Muồm, con bắt mụ ấy gọi con là võ sĩ Đại Mã. Mụ ấy nện cho con một trận mê toi. Con phải bỏ chạy về. Nhưng con cũng không chừa được cái thói khoác lác. Cho nên, khi con nghe tiếng đồn có ông Đế Mèn đi phiêu lưu thì con cũng tập tọng đi. Con đã quên cả lời mẹ dặn. Con đi, con gặp bác Cò Cộ, con dọa dẫm cả bác ta. Bác ta liền tóm cổ con, bay lên ngọn cây dừa. Đến đây con mới thực là sợ, biết chừa thói ngông cuồng và con mới thực hiểu rằng đường đời mỗi bước một khó. Con chạy trở về. Phải kể đến đây mới là hết những chuyện mà con đã làm trong khi vắng mẹ. Có phải thế chẳng? Con Võ sĩ bộ ngựa ơi! Bác Bộ Muồm chỉ cho con một cái đá hậu, là con thủng bụng. Bác Cò Cộ chỉ buông con từ ngọn cây cho rơi xuống, là con đứt tan xương. Các bác ấy đã thương con đấy. Trong khi bà lão Bộ Ngựa nói, chú Bộ Ngựa cứ ngẩn mặt. Rồi hai hàng nước mắt rung rung. À, chú Bộ Ngựa hờm mình đã biết hồi rồi..

(<https://by.com.vn/hjwJW>)

Câu hỏi

Câu 1: Sự việc nào sau đây thể hiện rõ nhất tính cách ngông cuồng của Bọ Ngựa?

- A. Gặp gỡ Cò Cộ
- B. Nằm bẹp trên ngọn cây
- C. Trò chuyện với mẹ
- D. Trên ngọn cây dừa

Câu 2: Đặc điểm của loài bọ ngựa được tác giả nói tới qua dòng nào sau đây?

- A. Ngoại hình của Bọ Ngựa
- B. Ở lời thoại của Bọ Ngựa
- C. Ở nơi sinh sống của Bọ Ngựa
- D. Ở tính cách, thói quen của mẹ Bọ Ngựa

Câu 3: Sự việc nào thể hiện rõ nhất tính cách nhút nhát, trẻ con của Bọ Ngựa?

- A. Gặp gỡ Cò Cộ
- B. Nằm bẹp trên ngọn cây
- C. Trò chuyện với mẹ
- D. Trên ngọn cây dừa

Câu 4: Nhân vật nào đã dạy cho Bọ Ngựa chừa thói huênh hoang?

- A. Bọ Muồm
- B. Cò Cộ
- C. Mẹ
- D. Châu Châu Ma

Câu 5: Phân tích, nhận xét cách Cò Cộ dạy cho Bọ Ngựa một bài học. Em có đồng tình với cách đó không? (1đ)

Câu 6: Bọ ngựa đã nhận ra những bài học nào từ Cò Cộ, từ lời của mẹ? Và em rút ra bài học gì cho chính mình khi đọc xong truyện này? (1đ)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

Câu 1: Quan sát 2 hình ảnh sau và trả lời câu hỏi a, b (2đ)

- Chỉ ra một sự liên quan giữa 2 hình ảnh với văn bản đọc Võ sĩ Bọ Ngựa ở trên
- Đặt tên cho mỗi hình ảnh trên

Câu 2: Đóng vai Bọ Ngựa kể lại đoạn truyện từ “Hôm sau Bọ ngựa đương lủi thủi, khật khưỡng đến không dám ngoảng cổ lại nữa” (thể hiện sâu hơn tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật Bọ Ngựa, bài dài từ 1-1,5 trang giấy thi) (4đ)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN ĐỀ 7

Đáp án đề 7

Phần I. ĐỌC HIỂU

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
A	C	B	B

Câu 1: Sự việc nào sau đây thể hiện rõ nhất tính cách nông cuồng của Bọ Ngựa?

- A. Gặp gỡ Cò Cộ
- B. Nằm bẹp trên ngọn cây
- C. Trò chuyện với mẹ
- D. Trên ngọn cây dừa

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản và đáp án

Phương pháp loại trừ

Lời giải chi tiết:

Sự việc thể hiện rõ nhất tính cách nông cuồng của Bọ Ngựa: Gặp gỡ Cò Cộ

→ Đáp án A

Câu 2: Đặc điểm của loài bọ ngựa được tác giả nói tới qua dòng nào sau đây?

- A. Ngoại hình của Bọ Ngựa
- B. Ở lời thoại của Bọ Ngựa
- C. Ở nơi sinh sống của Bọ Ngựa
- D. Ở tính cách, thói quen của mẹ Bọ Ngựa

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Chú ý những chi tiết miêu tả đặc điểm của loài bộ ngựa

Lời giải chi tiết:

Đặc điểm của loài bộ ngựa được tác giả nói tới rõ nét nhất trong nơi sinh sống của Bộ Ngựa

→ Đáp án C

Câu 3: Sự việc nào thể hiện rõ nhất tính cách nhút nhát, trẻ con của Bộ Ngựa?

- A. Gặp gỡ Cò Cộ
- B. Nằm bẹp trên ngọn cây
- C. Trò chuyện với mẹ
- D. Trên ngọn cây dừa

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Lời giải chi tiết:

Sự việc thể hiện rõ nhất tính cách nhút nhát, trẻ con của Bộ Ngựa: Nằm bẹp trên ngọn cây sau khi nói chuyện với Cò Cộ

→ Đáp án B

Câu 4: Nhân vật nào đã dạy cho Bộ Ngựa chừa thói huênh hoang?

- A. Bộ Muồm
- B. Cò Cộ
- C. Mẹ
- D. Châu Châu Ma

Phương pháp giải

Đọc kỹ văn bản

Lời giải chi tiết

Nhân vật đã dạy cho Bọ Ngựa chừa thói huênh hoang là Cò Cộ

→ Đáp án B

Câu 5: Phân tích, nhận xét cách Cò Cộ dạy cho Bọ Ngựa một bài học. Em có đồng tình với cách đó không?

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Chú ý những chi tiết Cò Cộ dạy Bọ Ngựa

Nêu ý kiến bản thân

Lời giải chi tiết:

- Cò Cộ đã cảnh báo Bọ Ngựa: Thằng oắt tí! Tên mi là Bọ Ngựa chứ? Mà mi sao dám đặt hai chữ võ sĩ lên trước tên? Không sợ bị đánh cho gãy cổ hả?

- Bọ Ngựa vẫn huênh hoang nên Cò Cộ phải dạy bằng hành động, sự việc cụ thể: Cò Cộ quắp lấy lưng Bọ Ngựa, giương cánh ra, bay tít lên ngọn cây dừa gần đó. Bọ Ngựa hoảng hốt quá, rúm cả chân, rúm cả càng và nhắm tịt mắt lại

→ Cò Cộ đã cảnh báo Bọ Ngựa nhưng không đánh, trừng phạt nặng nề, chỉ dọa cho cậu ấy biết nhận ra sai lầm của mình

- Có đồng tình không? (HS tự trả lời)

Câu 6: Bọ ngựa đã nhận ra những bài học nào từ Cò Cộ, từ lời của mẹ? Và em rút ra bài học gì cho chính mình khi đọc xong truyện này? (1đ)

Phương pháp giải:

Phân tích bài học rút ra từ văn bản

Đưa ra bài học mà bản thân rút ra được cho chính mình

Lời giải chi tiết:

Gợi ý: Cách Cô Cộ dạy cho Bọ Ngựa một bài học:

- + Đã làm việc độc ác
- + Chừa thói khoác lác
- + Mọi người không trừng phạt là vì thương Bọ Ngựa
- Rút ra bài học gì cho chính mình: Học sinh tự liên hệ bản thân

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

Câu 1: Quan sát 2 hình ảnh sau và trả lời câu hỏi a, b (2đ)

a. Chỉ ra một sự liên quan giữa 2 hình ảnh với văn bản đọc Võ sĩ Bọ Ngựa ở trên

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản và yêu cầu

Lời giải chi tiết:

Bức 1: Gợi ra kẻ vênh váo không nhìn thấy hổ ở dưới chân... sẽ thụt xuống hố

→Gợi nhớ hình ảnh Bọ Ngựa huênh hoang suýt chuốc họa vào thân (với Cô Cộ)

Bức 2: Gợi con người biết lắng nghe

→ Gợi nhớ hình ảnh Bọ Ngựa lắng nghe lời khuyên của Cô Cộ về nhà với mẹ, lắng nghe lời khuyên của mẹ, thấm từng lời và xúc động

b. Đặt tên cho mỗi hình ảnh trên

Phương pháp giải

Quan sát kỹ hình ảnh, rút ra nội dung chính của từng hình ảnh

Lời giải chi tiết

Học sinh tự đặt tên từng hình theo ý mình (cần ngắn gọn, sát với nội dung của bức hình)

Câu 2: Đóng vai Bộ Ngựa kể lại đoạn truyện từ “Hôm sau Bộ ngựa đương lui thủ, khật khưỡng đến không dám ngoảng cổ lại nữa” (thể hiện sâu hơn tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật Bộ Ngựa, bài dài từ 1-1,5 trang giấy thi) (4đ)

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện bài văn

Lời giải chi tiết:

Đóng vai Bộ Ngựa kể lại đoạn truyện từ “Hôm sau... cổ lại nữa” (thể hiện sâu hơn tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật Bộ Ngựa và kết hợp miêu tả)		
Phần chính	Điểm	Nội dung cụ thể
Mở bài	0,5	Giới thiệu câu chuyện của bản thân (kể ngôi thứ nhất – xưng tôi)
Thân bài	2,5	<ul style="list-style-type: none"> - Khi gặp bác Cò Cộ, Bộ Ngựa rất lạ lẫm vì chưa gặp một con vật nào to như vậy - Bộ Ngựa nghe ngóng rồi lại tỏ vẻ ta không biết sợ ai - Khi bị Cò Cộ cắp bay lên ngọn dừa... + Nỗi sợ hãi + Không dám nhìn xuống + Chân run, nói không ra lời - Được thả xuống chạy biến về nhà... Lưu ý: - Yếu tố miêu tả: “Quái vật to gồ gồ... thực tình” - Yếu tố miêu tả giúp người đọc hình dung một cách rõ ràng cụ thể hơn sự vật, sự việc được kể. Ở đây là hình dung rõ nét về đặc điểm hình dáng, màu sắc tên gọi... của Cò Cộ
Kết bài	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, suy ngẫm về Cò Cộ... - Rút ra bài học cho bản thân...

Yêu cầu khác	0,5	- Bài viết thể hiện rõ đặc trưng thể loại: tự sự - Dùng ngôi kể thứ nhất phải nhất quán, hợp lí
--------------	-----	--

Loigiaihay.com

ĐỀ 8

I. ĐỌC HIỂU (4đ)

Học sinh đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi phía dưới

TỪ NHỮNG DẤU CHÂN NGƯỜI

(Đinh Nam Khương)

Tháng mười khi lúa gặt xong
Còn trơ chân rạ với đồng – Đồng ơi!
Lúa đi để lại tháng mười
Và cơn gió thổi rỗng trời ở trên!...
Trời cao – Bỗng vút cao thêm
Bâng khuâng!... Vì hăng chân đêm mất rồi
Gặt rồi – còn gốc ra thoi
Và bao nhiêu dấu chân người mới nguyên
Giữa đồng tôi đứng lặng yên
Chân tôi chân rạ sát liền bên nhau
Nghe trong những vũng chân trâu
Tiếng chân con nhái đập màu đất non
Biết rằng sự sống mãi còn
Bánh chung vuông, bánh dày tròn là đây
Cho dù bão tốc chân mây
Cũng không tốc nổi đường cày của tôi
Dù cho lửa đốt chân trời
Cũng không cháy được tháng mười tháng năm

Tay tôi còn bón còn chăm

Thì đồng còn có tháng năm tháng mười

Ngày mai từ dấu chân người

Màu xanh lên!... Vói chân trời... mở ra!...

Câu hỏi

Câu 1: Dòng nào nói lên đề tài và thể thơ của văn bản Từ những dấu chân người?

- A. Quê hương; Ca dao.
- B. Người nông dân; Thể thơ lục bát.
- C. Đồng ruộng; Thể thơ tự do.
- D. Niềm tin vào cuộc sống; Thể thơ lục bát.

Câu 2: Dòng nào nói lên đặc điểm của văn bản Từ những dấu chân người?

- A. Cặp câu 6-8; gieo vần chân, ngắt nhịp chẵn, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh trắc.
- B. Cặp câu 6-8; gieo vần lưng, ngắt nhịp lẻ, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh trắc.
- C. Cặp câu 6-8; gieo vần chân, ngắt nhịp chẵn, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh bằng.
- D. Cặp câu 6-8; gieo vần cách, ngắt nhịp chẵn, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh trắc.

Câu 3: Dòng nào KHÔNG nói lên căn cứ để xác định đề tài của tác phẩm Từ những dấu chân người?

- A. Vững chân trâu; tiếng chân con nhái đập màu đất non.
- B. Tháng mười tháng năm.
- C. Dấu chân, cánh đồng mùa gặt.
- D. Chân, đồng.

Câu 4: Đối tượng trữ tình của tác phẩm là:

- A. Tiếng chân con nhái đập màu đất non

B. Vững chân trâu

C. Người nông dân; Cánh đồng khi đã gặt xong

D. Sự sống mãi còn

Câu 5: Con người lao động trong bài thơ hiện lên với những phẩm chất đáng quý nào? Hãy phân tích hình ảnh hoặc thủ pháp nghệ thuật đã thể hiện rõ phẩm chất đáng quý của người lao động mà em cho là đặc sắc nhất? (1đ)

Câu 6: Em thấy mình cần học tập phẩm chất đáng quý nào ở nhân vật trữ tình và con người lao động? Vì sao? (trả lời bằng 5-7 câu văn) (1đ)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

Câu 1: Quan sát hình ảnh sau và trả lời câu hỏi a,b (2đ)

a. Chọn câu thơ phù hợp từ bài thơ Từ những dấu chân người làm tựa đề cho từng bức ảnh trên

b. Lý giải sự tương đồng giữa các câu thơ và nội dung bức ảnh

Câu 2: Hãy viết bài văn thể hiện cảm nghĩ của em về hình ảnh những “dấu chân” trong bài thơ lục bát “Từ những dấu chân người” – Đinh Nam Khương (dài từ 1-1,5 trang) (4đ)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm

ĐÁP ÁN ĐỀ 8

Đáp án đề 8

Phần I. ĐỌC HIỂU

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
B	A	B	C

Câu 1: Dòng nào nói lên đề tài và thể thơ của văn bản Từ những dấu chân người?

- A. Quê hương; Ca dao.
- B. Người nông dân; Thể thơ lục bát.
- C. Đồng ruộng; Thể thơ tự do.
- D. Niềm tin vào cuộc sống; Thể thơ lục bát.

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Nhớ lại kiến thức (dấu hiệu nhận biết) về thể thơ

Lời giải chi tiết:

Đề tài: Người nông dân, thể thơ: Lục bát

→ Đáp án B

Câu 2: Dòng nào nói lên đặc điểm của văn bản Từ những dấu chân người?

- A. Cặp câu 6-8; gieo vần chân, ngắt nhịp chẵn, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh trắc.
- B. Cặp câu 6-8; gieo vần lưng, ngắt nhịp lẻ, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh trắc.
- C. Cặp câu 6-8; gieo vần chân, ngắt nhịp chẵn, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh bằng.

D. Cặp câu 6-8; gieo vần cách, ngắt nhịp chẵn, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh trắc.

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản, chú ý những đặc điểm hình thức của văn bản thơ

Lời giải chi tiết:

Đặc điểm của văn bản: Cặp câu 6-8; gieo vần chân, ngắt nhịp chẵn, tiếng 4 ở mỗi câu là thanh trắc.

→ Đáp án A

Câu 3: Dòng nào KHÔNG nói lên căn cứ để xác định đề tài của tác phẩm Từ những dấu chân người?

- A. Vững chân trâu; tiếng chân con nhái đạp màu đất non.
- B. Tháng mười tháng năm.
- C. Dấu chân, cánh đồng mùa gặt.
- D. Chân, đồng.

Phương pháp giải:

Nhớ lại kiến thức về đề tài

Lời giải chi tiết:

Dòng không nói lên căn cứ để xác định đề tài: Tháng mười tháng năm. (đây chỉ đơn thuần là những câu từ chỉ thời gian)

→ Đáp án B

Câu 4: Đối tượng trữ tình của tác phẩm là:

- A. Tiếng chân con nhái đạp màu đất non
- B. Vững chân trâu
- C. Người nông dân; Cánh đồng khi đã gặt xong

D. Sự sống mãi còn

Phương pháp giải

Đọc kỹ văn bản

Chú ý những chi tiết nổi bật

Lời giải chi tiết

Đối tượng trữ tình của văn bản là Người nông dân; Cánh đồng khi đã gặt xong

→ Đáp án C

Câu 5: Con người lao động trong bài thơ hiện lên với những phẩm chất đáng quý nào? Hãy phân tích hình ảnh hoặc thủ pháp nghệ thuật đã thể hiện rõ phẩm chất đáng quý của người lao động mà em cho là đặc sắc nhất? (1đ)

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản, chú ý những phẩm chất đáng quý được đề cập

Nhớ lại kiến thức về biện pháp nghệ thuật

Lời giải chi tiết:

- Phẩm chất: Chăm chỉ, miệt mài lao động; kiên cường, nhẫn nại đối mặt với khó khăn; tin, yêu cuộc sống của mình

- Học sinh tự chọn được câu thơ thể hiện rõ phẩm chất của người lao động và phân tích câu thơ đó (gọi tên biện pháp nghệ thuật, phân tích hiệu quả thẩm mỹ...)

Câu 6: Em thấy mình cần học tập phẩm chất đáng quý nào ở nhân vật trữ tình và con người lao động? Vì sao? (trả lời bằng 5-7 câu văn) (1đ)

Phương pháp giải:

Nêu quan điểm của bản thân và đưa ra lý giải phù hợp

Lời giải chi tiết:

- HS xác định, tự lí giải theo cách hiểu và lựa chọn của cá nhân (có thể là phẩm chất mình đã sẵn có nay cần hiểu bồi đắp thêm, hoặc phẩm chất mình chưa có cần rèn luyện, bổ sung)

- Xác định phẩm chất cần bám sát văn bản; lí giải cần hợp lí, logic và phù hợp với văn hóa dân tộc...

- Diễn đạt: rõ ý, biết liên kết câu

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

a. Chọn câu thơ phù hợp từ bài thơ Từ những dấu chân người làm tựa đề cho từng bức ảnh trên

Phương pháp giải:

HS tự trả lời theo nhận thức của cá nhân

Lời giải chi tiết:

- Tham khảo gợi ý:

+ Bức tranh 1: Cho dù bão tố chân mây/ Cũng không tố nổi đường cày của tôi

+ Bức tranh 2: Tay tôi còn bòn còn chằm/ Thì đồng còn có tháng năm tháng mười

b. Lý giải sự tương đồng giữa các câu thơ và nội dung bức ảnh

Phương pháp giải

Đọc kĩ văn bản và quan sát kĩ bức ảnh

Lời giải chi tiết

+ Bức ảnh 1: Hình ảnh người cày ruộng dưới mưa tương đồng với nội dung câu thơ: Cho dù bão tố chân mây/ Cũng không tố nổi đường cày của tôi

→ Thời tiết khắc nghiệt không ngăn cản được khát vọng của con người

+ Bức ảnh 2: hình ảnh mùa gặt – mùa vàng tương đồng với nội dung câu thơ (còn có tháng năm tháng mười)

→ Có công sức con người là có mùa gặt, có thu hoạch

II. TẠO LẬP VĂN BẢN

Câu 2: Hãy viết bài văn thể hiện cảm nghĩ của em về hình ảnh những “dấu chân” trong bài thơ lục bát “Từ những dấu chân người” – Đinh Nam Khương (dài từ 1-1,5 trang) (4đ)

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện bài văn

Lời giải chi tiết:

Hãy viết bài văn thể hiện cảm nghĩ của em về hình ảnh những “dấu chân” trong bài thơ lục bát “Từ những dấu chân người” – Đinh Nam Khương	
Yêu cầu cần đạt	Điểm
<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đúng hình thức bài văn - Dùng từ hợp lý, diễn đạt rõ ý - Chữ sạch sẽ, rõ ràng 	0,5
<p>Nội dung hướng vào cảm xúc về sự sống, niềm tin của nhân vật trữ tình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nghĩ về sự sống từ những “dấu chân” → Chọn dẫn chứng phù hợp với nhận định - Trình bày theo trình tự hợp lí 	2
<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá giá trị của đoạn thơ và sự tác động của đoạn thơ tới nhận thức, cảm xúc của mình 	0,75
<p>Khuyến khích sáng tạo hợp lí trong góc nhìn; cách cảm nhận, hình thức bộc lộ cảm xúc...</p>	0,75

ĐỀ 9

I. ĐỌC HIỂU (4đ)

Học sinh đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi phía dưới

TỪ NHỮNG DẤU CHÂN NGƯỜI

(Đình Nam Khương)

Tháng mười khi lúa gặt xong
Còn trơ chân rạ với đồng – Đồng ơi!
Lúa đi để lại tháng mười
Và cơn gió thổi rỗng trời ở trên!...
Trời cao – Bỗng vút cao thêm
Bâng khuâng!... Vì hẫng chân đêm mất rồi
Gặt rồi – còn gốc ra thoi
Và bao nhiêu dấu chân người mới nguyên
Giữa đồng tôi đứng lặng yên
Chân tôi chân rạ sát liền bên nhau
Nghe trong những vũng chân trâu
Tiếng chân con nhái đập màu đất non
Biết rằng sự sống mãi còn
Bánh chưng vuông, bánh dày tròn là đây
Cho dù bão tốc chân mây
Cũng không tốc nổi đường cày của tôi
Dù cho lửa đốt chân trời
Cũng không cháy được tháng mười tháng năm

Tay tôi còn bó n còn chằm

Thì đồng còn có thán năm thán mười

Ngày mai từ dấu chân người

Màu xanh lên!... Vói chân trời... mở ra!...

Câu hỏi

Câu 1: Nhân vật trữ tình của tác phẩm là?

- A. Người con xa quê
- B. Người trí thức nghĩ về nông dân
- C. Người nông dân đang sống và lao động trên quê hương mình
- D. Người yêu làng quê đang ngắm nhìn cánh đồng mùa gặt

Câu 2: Nhân vật trữ tình “bâng khuâng” trước những âm thanh, hình ảnh nào?

- A. Dấu chân người mới nguyên; tiếng chân nhái đập màu đất non
- B. Bánh chưng vuông, bánh dày tròn
- C. Gió thổi; trời cao
- D. Đường cày; màu xanh

Câu 3: Tác giả sử dụng phép tu từ/ nghệ thuật ẩn dụ trong dòng thơ nào sau đây?

- A. Và cơn gió thổi bỗng trời ở trên!...
- B. Trời cao – Bỗng vút cao thêm
- C. Bâng khuâng!... Vì hẫng chân đêm mất rồi
- D. Gặt rồi – còn gốc rạ thôi

Câu 4: Tác giả sử dụng phép tu từ nào ở dòng thơ Còn tro chân rạ với đồng – Đồng ơi!?

- A. Ẩn dụ

- B. Hoán dụ
- C. Nhân hóa
- D. So sánh

Câu 5: Con người lao động trong bài thơ hiện lên với những phẩm chất đáng quý nào? Hãy phân tích hình ảnh hoặc thủ pháp nghệ thuật đã thể hiện rõ phẩm chất đáng quý của người lao động mà em cho là đặc sắc nhất? (1đ)

Câu 6: Em thấy mình cần học tập phẩm chất đáng quý nào ở nhân vật trữ tình và con người lao động? Vì sao? (trả lời bằng 5-7 câu văn) (1đ)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

Câu 1: Quan sát hình ảnh sau và trả lời câu hỏi a,b (2đ)

- a. Chọn câu thơ phù hợp từ bài thơ Từ những dấu chân người làm tựa đề cho từng bức ảnh trên
- b. Lý giải sự tương đồng giữa các câu thơ và nội dung bức ảnh

Câu 2: Hãy viết bài văn thể hiện cảm nghĩ của em về hình ảnh những “dấu chân” trong bài thơ lục bát “Từ những dấu chân người” – Đinh Nam Khương (dài từ 1-1,5 trang) (4đ)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN ĐỀ 9

Đáp án đề 9

Phần I. ĐỌC HIỂU

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
C	A	C	C

Câu 1: Nhân vật trữ tình của tác phẩm là?

- A. Người con xa quê
- B. Người trí thức nghĩ về nông dân
- C. Người nông dân đang sống và lao động trên quê hương mình
- D. Người yêu làng quê đang ngắm nhìn cánh đồng mùa gặt

Phương pháp giải:

Đọc kĩ tác phẩm

Lời giải chi tiết:

Nhân vật trữ tình của tác phẩm là Người nông dân đang sống và lao động trên quê hương mình

→ Đáp án C

Câu 2: Nhân vật trữ tình “bâng khuâng” trước những âm thanh, hình ảnh nào?

- A. Dấu chân người mới nguyên; tiếng chân nhái đập màu đất non
- B. Bánh chưng vuông, bánh dày tròn
- C. Gió thổi; trời cao
- D. Đường cày; màu xanh

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Chú ý những hình ảnh khiến nhân vật trữ tình cảm thấy “bâng khuâng”

Lời giải chi tiết:

Những hình ảnh khiến nhân vật trữ tình cảm thấy “bâng khuâng”: Dấu chân người mới nguyên; tiếng chân nhái đập màu đất non

→ Đáp án A

Câu 3: Tác giả sử dụng phép tu từ/ nghệ thuật ẩn dụ trong dòng thơ nào sau đây?

- A. Và cơn gió thổi bỗng trời ở trên!...
- B. Trời cao – Bỗng vút cao thêm
- C. Bâng khuâng!... Vì hẫng chân đêm mất rồi
- D. Gặt rồi – còn gốc rạ thoi

Phương pháp giải:

Nhớ lại kiến thức về biện pháp tu từ

Lời giải chi tiết:

Tác giả sử dụng biện pháp ẩn dụ trong dòng thơ Bâng khuâng!... Vì hẫng chân đêm mất rồi

→ Đáp án C

Câu 4: Tác giả sử dụng phép tu từ nào ở dòng thơ Còn tro chân rạ với đồng – Đồng ơi!?

- A. Ẩn dụ
- B. Hoán dụ
- C. Nhân hóa
- D. So sánh

Phương pháp giải

Nhớ lại kiến thức về biện pháp tu từ

Lời giải chi tiết

Câu thơ trên sử dụng biện pháp nhân hóa: gọi cánh đồng như với con người: “Đồng ơi!”

→ Đáp án C

Câu 5: Con người lao động trong bài thơ hiện lên với những phẩm chất đáng quý nào? Hãy phân tích hình ảnh hoặc thủ pháp nghệ thuật đã thể hiện rõ phẩm chất đáng quý của người lao động mà em cho là đặc sắc nhất? (1đ)

Phương pháp giải:

Đọc kĩ văn bản, chú ý những phẩm chất đáng quý được đề cập

Nhớ lại kiến thức về biện pháp nghệ thuật

Lời giải chi tiết:

- Phẩm chất: Chăm chỉ, miệt mài lao động; kiên cường, nhẫn nại đối mặt với khó khăn; tin, yêu cuộc sống của mình
- Học sinh tự chọn được câu thơ thể hiện rõ phẩm chất của người lao động và phân tích câu thơ đó (gọi tên biện pháp nghệ thuật, phân tích hiệu quả thẩm mỹ...)

Câu 6: Em thấy mình cần học tập phẩm chất đáng quý nào ở nhân vật trữ tình và con người lao động? Vì sao? (trả lời bằng 5-7 câu văn) (1đ)

Phương pháp giải:

Nêu quan điểm của bản thân và đưa ra lý giải phù hợp

Lời giải chi tiết:

- HS xác định, tự lí giải theo cách hiểu và lựa chọn của cá nhân (có thể là phẩm chất mình đã sẵn có nay cần hiểu bồi đắp thêm, hoặc phẩm chất mình chưa có cần rèn luyện, bổ sung)
- Xác định phẩm chất cần bám sát văn bản; lí giải cần hợp lí, logic và phù hợp với văn hóa dân tộc...
- Diễn đạt: rõ ý, biết liên kết câu

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

a. Chọn câu thơ phù hợp từ bài thơ Từ những dấu chân người làm tựa đề cho từng bức ảnh trên

Phương pháp giải:

HS tự trả lời theo nhận thức của cá nhân

Lời giải chi tiết:

- Tham khảo gợi ý:

+ Bức tranh 1: Cho dù bão tố chân mây/ Cũng không tố nổi đường cày của tôi

+ Bức tranh 2: Tay tôi còn bòn còn chằm/ Thì đồng còn có tháng năm tháng mười

b. Lý giải sự tương đồng giữa các câu thơ và nội dung bức ảnh

Phương pháp giải

Đọc kĩ văn bản và quan sát kĩ bức ảnh

Lời giải chi tiết

+ Bức ảnh 1: Hình ảnh người cày ruộng dưới mưa tương đồng với nội dung câu thơ: Cho dù bão tố chân mây/ Cũng không tố nổi đường cày của tôi

→ Thời tiết khắc nghiệt không ngăn cản được khát vọng của con người

+ Bức ảnh 2: hình ảnh mùa gặt – mùa vàng tương đồng với nội dung câu thơ (còn có tháng năm tháng mười)

→ Có công sức con người là có mùa gặt, có thu hoạch

II. TẠO LẬP VĂN BẢN

Câu 2: Hãy viết bài văn thể hiện cảm nghĩ của em về hình ảnh những “dấu chân” trong bài thơ lục bát “Từ những dấu chân người” – Đinh Nam Khương (dài từ 1-1,5 trang) (4đ)

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện bài văn

Lời giải chi tiết:

Hãy viết bài văn thể hiện cảm nghĩ của em về hình ảnh những “dấu chân” trong bài thơ lục bát “Từ những dấu chân người” – Đinh Nam Khương	
Yêu cầu cần đạt	Điểm
<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đúng hình thức bài văn - Dùng từ hợp lý, diễn đạt rõ ý - Chữ sạch sẽ, rõ ràng 	0,5
<p>Nội dung hướng vào cảm xúc về sự sống, niềm tin của nhân vật trữ tình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nghĩ về sự sống từ những “dấu chân” → Chọn dẫn chứng phù hợp với nhận định - Trình bày theo trình tự hợp lí 	2
<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá giá trị của đoạn thơ và sự tác động của đoạn thơ tới nhận thức, cảm xúc của mình 	0,75
<p>Khuyến khích sáng tạo hợp lí trong góc nhìn; cách cảm nhận, hình thức bộc lộ cảm xúc...</p>	0,75

Loigiaihay.com

ĐỀ 10

I. ĐỌC HIỂU (4đ)

Học sinh đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi phía dưới

QUÊ HƯƠNG

(Nguyễn Đình Huân)

Quê hương là một tiếng ve

Lời ru của mẹ trưa hè à ơi

Dòng sông con nước đầy vơi

Quê hương là một góc trời tuổi thơ

Quê hương ngày ấy như mơ

Tôi là cậu bé dại khờ đáng yêu

Quê hương là tiếng sáo diều

Là cánh cò trắng chiều chiều chân đê

Quê hương là phiên chợ quê

Chợ trưa mong mẹ mang về bánh đa

Quê hương là một tiếng gà

Bình minh gáy sáng ngân nga xóm làng

Quê hương là cánh đồng vàng

Hương thơm lúa chín mênh mang trời chiều

Quê hương là dáng mẹ yêu

Áo nâu nón lá liêu xiêu đi về

[...]

Quê hương là những cơn mưa

Quê hương là những hàng dừa ven kinh

Quê hương mang nặng nghĩa tình

Chôn rau cắt rốn người ơi nhớ về.

(<https://by.com.vn/xzpOX>)

Câu hỏi

Câu 1: Đáp án nào nói lên đề tài của văn bản Quê hương?

- A. Dòng sông.
- B. Mẹ.
- C. Quê hương
- D. Góc trời tuổi thơ.

Câu 2: Bài thơ trên thuộc thể thơ nào? Những căn cứ nào giúp em xác nhận điều đó?

- A. Thể thơ lục bát; gieo vần chân và ngắt nhịp chẵn.
- B. Thể thơ lục bát, số tiếng ở từng cặp câu là 6-8; gieo vần chân và ngắt nhịp chẵn.
- C. Thể thơ tự do xen lục bát; gieo vần chân và ngắt nhịp chẵn.
- D. Thể thơ lục bát biến thể, gieo vần liền và ngắt nhịp chẵn, lẻ.

Câu 3: Nhân vật trữ tình trong văn bản Quê hương là người:

- A. Nhớ, yêu tha thiết quê hương.
- B. Buồn vì đã xa quê.
- C. Không biết quê hương đã đổi thay thế nào.
- D. Trở về quê cũ trong tâm trạng buồn thương.

Câu 4: Văn bản Quê hương dùng cách gieo vần nào sau đây?

- A. Vần cách

B. Vần chân

C. Vần lưng

D. Vần liền

Câu 5: Những hình ảnh, câu thơ nào trong văn bản trên cho biết tác giả đang nhớ về quê hương tuổi thơ của mình? Có hình ảnh, câu thơ nào gợi nhắc em nhớ tới quê hương của mình không?(1đ)

Câu 6: Em thích hình ảnh quê hương trong bài thơ trên ở thời điểm nào (bình minh, trưa hè, chiều về)? Hãy viết/ vẽ về khung cảnh đó theo ý thích của em (1đ)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

Câu 1: Đọc hai đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi a,b (2đ)

Đoạn văn bản 1:

Lục bát là thể thơ dân tộc mang đậm bản sắc và phong vị quê hương. Thơ lục bát rất dễ thuộc và dễ nhớ vì lời thơ giản dị, mộc mạc, có sự kết hợp giữa ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ đời thường. Câu thơ đọc lên mà cứ ngỡ là câu hát hay một bản nhạc, vừa có vần vừa có điệu nghe rất thanh thoát và êm tai. Có nhiều câu lục bát đã đi vào lòng người như một lời ru...

(<https://bom.so/Vqam0q>)

Đoạn văn bản 2:

Thơ lục bát đã kế thừa được mạch nguồn của thể thơ truyền thống. Những câu thơ dù là tả cảnh hay tả tình đều nhẹ nhàng, cùng lối ví von, so sánh, ẩn dụ tinh tế nên có sức truyền cảm và gửi gắm những bài học sâu sắc, thế giới tuổi thơ được tái hiện thật dung dị và trong sáng. Trong thơ có âm thanh, nhạc điệu, sắc màu của sự sống, dễ hiểu và dễ cảm

(nhóm tác giả sưu tầm và biên soạn)

a. Xác định điểm tương đồng và điểm riêng biệt của từng văn bản trên

b. Hãy chọn nhận định phù hợp nhất với bài thơ Quê hương của Nguyễn Đình Huân

Câu 2: Hãy viết một đoạn văn thể hiện cảm nghĩ của mình về 4-6 câu thơ lục bát mà em thích nhất trong bài thơ trên. Yêu cầu trích dẫn hợp lý 1 nhận định (ở 1 đoạn văn bản trong câu hỏi 1) vào bài viết của mình (4đ)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN ĐỀ 10

Đáp án đề 10

Phần I. ĐỌC HIỂU

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
C	B	A	B

Câu 1: Đáp án nào nói lên đề tài của văn bản Quê hương?

- A. Dòng sông.
- B. Mẹ.
- C. Quê hương
- D. Góc trời tuổi thơ.

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Chú ý tiêu đề văn bản

Lời giải chi tiết:

Đề tài của văn bản: Quê hương

→ Đáp án C

Câu 2: Bài thơ trên thuộc thể thơ nào? Những căn cứ nào giúp em xác nhận điều đó?

- A. Thể thơ lục bát; gieo vần chân và ngắt nhịp chẵn.
- B. Thể thơ lục bát, số tiếng ở từng cặp câu là 6-8; gieo vần chân và ngắt nhịp chẵn.
- C. Thể thơ tự do xen lục bát; gieo vần chân và ngắt nhịp chẵn.
- D. Thể thơ lục bát biến thể, gieo vần liền và ngắt nhịp chẵn, lẻ.

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Nhớ lại kiến thức về thể thơ

Lời giải chi tiết:

Bài thơ thuộc thể thơ lục bát, số tiếng ở từng cặp câu là 6-8; gieo vần chân và ngắt nhịp chẵn.

→ Đáp án B

Câu 3: Nhân vật trữ tình trong văn bản Quê hương là người:

- A. Nhớ, yêu tha thiết quê hương.
- B. Buồn vì đã xa quê.
- C. Không biết quê hương đã đổi thay thế nào.
- D. Trở về quê cũ trong tâm trạng buồn thương.

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Chú ý những chi tiết tác giả nói về quê hương

Lời giải chi tiết:

Bao trùm toàn bài là nỗi niềm nhớ, yêu tha thiết quê hương của tác giả

→ Đáp án A

Câu 4: Văn bản Quê hương dùng cách gieo vần nào sau đây?

- A. Vần cách
- B. Vần chân
- C. Vần lưng
- D. Vần liền

Phương pháp giải

Nhớ lại kiến thức phần gieo vần

Lời giải chi tiết

Bài thơ được gieo vần chân:

Lời ru của mẹ trưa hè à **ơi**

Dòng sông con nước đầy **vơi**

Quê hương là một góc trời tuổi **thơ**

Quê hương ngày ấy như **mơ**

→ Đáp án B

Câu 5: Những hình ảnh, câu thơ nào trong văn bản trên cho biết tác giả đang nhớ về quê hương tuổi thơ của mình? Có hình ảnh, câu thơ nào gợi nhắc em nhớ tới quê hương của mình không?(1đ)

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ

Chú ý những hình ảnh cho thấy nỗi nhớ của tác giả

Lời giải chi tiết:

- Nhớ về quê hương tuổi thơ:

Quê hương là một góc trời tuổi thơ

Quê hương ngày ấy như mơ

Tôi là cậu bé dại khờ đáng yêu

- Hình ảnh, câu thơ nào gợi nhắc em nhớ tới quê hương: Học sinh tự làm (gợi ý: lấy các hình ảnh thơ làm điểm tựa, từ đó đối chiếu với cảnh sắc, con người ở quê mình để xác định câu thơ gợi nhắc quê hương mình)

Câu 6: Em thích hình ảnh quê hương trong bài thơ trên ở thời điểm nào (bình minh, trưa hè, chiều về)? Hãy viết/ vẽ về khung cảnh đó theo ý thích của em (1đ)

Phương pháp giải:

Nêu quan điểm của bản thân và đưa ra lý giải phù hợp

Lời giải chi tiết:

- HS tự trả lời theo sở thích cá nhân

- Tham khảo gợi ý:

+ Chọn thời điểm mà em hay thích ngắm cảnh

+ Chọn câu thơ tương ứng

+ Nói rõ lí do mình lựa chọn (2 lí do: câu thơ gợi hình ảnh, sự tác động tới cảm xúc cá nhân từ hình ảnh đó, tình cảm của tác giả...)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (6đ)

a. Xác định điểm tương đồng và điểm riêng biệt của từng văn bản trên

Phương pháp giải:

Đọc kĩ hai văn bản

Lời giải chi tiết:

- Điểm chung: Cùng viết về vẻ đẹp, sức hấp dẫn của thể thơ lục bát

- Điểm riêng:

+ Đoạn văn bản 1: Viết về ngôn ngữ và âm điệu (nhịp vần) của thơ lục bát

+ Đoạn văn bản 2: Viết về vẻ đẹp tinh tế, sâu sắc của thơ lục bát (nghệ thuật, bài học) phù hợp với tuổi thơ

b. Hãy chọn nhận định phù hợp nhất với bài thơ Quê hương của Nguyễn Đình Huân

Phương pháp giải

Hs lựa chọn theo nhận thức của cá nhân

Lời giải chi tiết

- Gợi ý tham khảo:

+ “...dù là tả cảnh hay tả tình đều nhẹ nhàng, cùng lối ví von, so sánh, ẩn dụ tinh tế nên có sức truyền cảm... thế giới tuổi thơ được tái hiện thật dung dị và trong sáng”

+ “... rất dễ thuộc và dễ nhớ vì lời thơ giản dị, mộc mạc, có sự kết hợp giữa ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ đời thường

II. TẠO LẬP VĂN BẢN

Câu 2: Hãy viết một đoạn văn thể hiện cảm nghĩ của mình về 4-6 câu thơ lục bát mà em thích nhất trong bài thơ trên. Yêu cầu trích dẫn hợp lý 1 nhận định (ở 1 đoạn văn bản trong câu hỏi 1) vào bài viết của mình (4đ)

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện bài văn

Lời giải chi tiết:

Hãy viết một đoạn văn thể hiện cảm nghĩ của mình về 4- 6 câu thơ lục bát (mà em thích nhất) trong bài thơ trên. Yêu cầu trích dẫn hợp lí một nhận định	
Yêu cầu cần đạt	Điểm
- HS lựa chọn được đoạn thơ về mẹ/ quê hương - Trình bày đúng hình thức đoạn văn - Dùng từ hợp lý, diễn đạt rõ ý; chữ sạch sẽ, rõ ràng	0,5
Nội dung chính hướng vào: - Cảm nghĩ về nội dung/ hình thức (quê hương qua âm thanh, hình ảnh; cách gieo vần, nhịp) của đoạn thơ - Cảm nghĩ về tình cảm của nhân vật trữ tình dành cho mẹ/ quê hương - Trình bày theo trình tự hợp lí	2
Đánh giá giá trị của đoạn thơ và sự tác động của đoạn thơ tới tâm hồn mình	0,75
Khuyến khích sáng tạo hợp lí của học sinh	0,75

